

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1533/SNV-CCVC

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2022

V/v rà soát, đính chính thông tin danh sách
người dự thi thăng hạng kế toán viên.

Kính gửi:

- Các sở, cơ quan tương đương sở;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố.

Thực hiện Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 01/06/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên đối với viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố Hà Nội năm 2021.

Để đảm bảo thông tin của người tham gia dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên trung cấp lên kế toán viên chính xác trước khi tổ chức thi thăng hạng kế toán viên trung cấp lên kế toán viên. Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị có viên chức dự thi rà soát thông tin theo danh sách gửi kèm.

Công văn đề nghị đính chính thông tin có danh sách (theo mẫu đính kèm) gửi về Sở Nội vụ qua địa chỉ số 18b Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội và hòm thư: danghungdung_sonv@hanoi.gov.vn **trước ngày 15/6/2022** để Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo và triển khai thực hiện tổ chức thi. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc liên hệ với đ/c Đặng Hùng Dũng phòng Công chức viên chức, Sở Nội vụ qua số điện thoại 0984693009.

Đề nghị các thủ trưởng cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu thời gian./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CCVC (Dùng 03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Mạnh Hùng

TÊN CƠ QUAN/ĐƠN VỊ

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐÍNH CHÍNH THÔNG TIN THÍ SINH
(Kèm theo Công văn số **153**/ ngày **07**/6/2022 của)

STT	STT theo danh sách gửi kèm	Họ và tên thí sinh	Thông tin theo danh sách gửi kèm	Thông tin đề nghị điều chỉnh
1				
2				
3				

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP LÊN KẾ TOÁN VIÊN NĂM 2021**

(Kèm theo Đề án số /ĐA- UBND ngày tháng năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi
							Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nguyễn Thị Thu Trang	14/04/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Tô Vĩnh Diện, Quận Đống Đa	9N5th	2,66	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	THVP	Anh C				Tiếng Anh
2	Nguyễn Thị Phương Hoa	12/04/1975	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Quang Trung, Quận Đống Đa	22N3th	4,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/07/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Láng Hạ, Quận Đống Đa	6N6th	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
4	Nguyễn Thị Thanh Mai	13/05/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Láng Thượng, Quận Đống Đa	12N2th	3,86	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ĐH ngành SP Tin	Anh C		x		Tiếng Anh
5	Lê Hùng Mạnh	17/12/1972	Nam	Kế toán viên trung cấp	THCS Khương Thượng, Quận Đống Đa	26N4th	4,06 +VK 7%	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	CD ngành Tin học	Anh B		x		Tiếng Anh
6	Nguyễn Thị Thu Tuyết	17/04/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Huy Văn, Quận Đống Đa	6N6th	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
7	Nguyễn Thu Hương	06/05/1968	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Tiểu học Trung Tự, Quận Đống Đa	27N9th	4,06 +VK 8%	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	ĐH ngành ngoại ngữ			X	
8	Lê Thị Bích Thục	03/12/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Tiểu học Quang Trung, Quận Đống Đa	22N9th	4,06 +VK 5%	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B1				Tiếng Anh
9	Nguyễn Kim Anh	19/02/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Tiểu học Phương Liên, Quận Đống Đa	7N	2,66	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
10	Hoàng Mỹ Dung	25/06/1977	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Tiểu học La Thành, Quận Đống Đa	12N2th	4,06	06.032	ĐH-QTKD, Kế toán, Kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
11	Nguyễn Thị Hồng Sinh	28/01/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Bình Minh, Quận Đống Đa	12N2th	3,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
12	Trần Thị Mỹ Hạnh	06/09/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Cát Linh, Quận Đống Đa	10N3th	2,86	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
13	Bùi Thị Kim Hoa	27/06/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Hoa Mai, Quận Đống Đa	12N2th	3,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
14	Lê Thị Ngọc	12/08/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Kim Liên, Quận Đống Đa	7N	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
15	Vũ Thị Hải Yến	12/09/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Đống Đa, Quận Đống Đa	11N8th	2,86	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
16	Nghiêm Thị Dung	28/08/1991	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Vĩnh Hồ, Quận Đống Đa	7N	2,66	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
17	Cao Thanh Hà	24/11/1977	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Trung Tự, Quận Đống Đa	12N2th	3,66	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh B				Tiếng Anh

05

18	Vũ Thị Kim Hoàn	09/07/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Năng Hồng, Quận Đống Đa	12N2th	3,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
19	Trần Thị Mỹ Quyền	24/01/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Phương Mai, Quận Đống Đa	12N2th	3,26	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	ĐH ngành Tiếng Anh			X	
20	Lê Khánh Chi	17/08/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Sao Mai, Quận Đống Đa	6N6th	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
21	Nguyễn Hồng Hạnh	25/01/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Quang Trung, Quận Đống Đa	12N2th	3,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
22	Nguyễn Minh Huyền	28/05/1971	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Tuổi Hoa, Quận Đống Đa	26N6th	4,06+VK 7%	06.032	ĐH- Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
23	Phạm Thị Nga	27/07/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu nghị, Quận Đống Đa	12N2th	2,86	06.032	ĐH- kế toán, kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
24	Nguyễn Thu Hương	06/05/1991	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Công viên văn hóa Đống Đa, Quận Đống Đa	8N7th	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
25	Vũ Thị Bích Nga	11/11/1972	Nữ	Kế toán	Ban quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội, Quận Hoàn Kiếm	16N2th	3,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
26	Nhữ Huyền Trang	29/11/1991	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm	3N5th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
27	Phạm Minh Nguyệt	13/12/1983	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
28	Đỗ Thị Kim Hồng	19/12/1972	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm	16N2th	3,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
29	Đinh Thủy Lan	29/4/1971	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Trưng Vương, Quận Hoàn Kiếm	16N2th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tương đương trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
30	Nguyễn Quỳnh Trang	20/9/1984	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Thăng Long, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
31	Nguyễn Lê Thủy	27/04/1977	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
32	Trần Mai Trinh	09/10/1983	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
33	Nguyễn Thu Giang	20/09/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mẫu giáo Mầm non A, Quận Hoàn Kiếm	8N 11th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
34	Tô Thị Hà	16/06/1989	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Bình Minh, Quận Hoàn Kiếm	10N10th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
35	Lê Thị Hồng Minh	22/03/1972	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Đinh Tiên Hoàng, Quận Hoàn Kiếm	9N3th	3,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	IC3	Anh A2				Tiếng Anh
36	Trương Thị Soan	16/08/1974	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non 1-6, Quận Hoàn Kiếm	6N 7th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
37	Nguyễn Văn Diễm	15/09/1988	Nam	viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mỹ Đức	9N9th	3,03	06a.031	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
38	Nguyễn Thị Thương	27/04/1991	Nữ	viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mỹ Đức	7N5th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
39	Nguyễn Thị Tân	09/10/1986	Nữ	viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mỹ Đức	7N11th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
40	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	18/09/1985	Nữ	viên chức	Ban quản lý dự án ĐTXD, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

18	Vũ Thị Kim Hoàn	09/07/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Năng Hồng, Quận Đống Đa	12N2th	3,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
19	Trần Thị Mỹ Quyền	24/01/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Phương Mai, Quận Đống Đa	12N2th	3,26	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	ĐH ngành Tiếng Anh			X	
20	Lê Khánh Chi	17/08/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Sao Mai, Quận Đống Đa	6N6th	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
21	Nguyễn Hồng Hạnh	25/01/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Quang Trung, Quận Đống Đa	12N2th	3,06	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
22	Nguyễn Minh Huyền	28/05/1971	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Tuổi Hoa, Quận Đống Đa	26N6th	4,06+VK 7%	06.032	ĐH- Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
23	Phạm Thị Nga	27/07/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Nhà nuôi dưỡng trẻ em Hữu nghị, Quận Đống Đa	12N2th	2,86	06.032	ĐH- kế toán, kiểm toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
24	Nguyễn Thu Hường	06/05/1991	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Công viên văn hóa Đống Đa, Quận Đống Đa	8N7th	2,46	06.032	ĐH - kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
25	Vũ Thị Bích Nga	11/11/1972	Nữ	Kế toán	Ban quản lý hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội, Quận Hoàn Kiếm	16N2th	3,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
26	Nhữ Huyền Trang	29/11/1991	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm	3N5th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
27	Phạm Minh Nguyệt	13/12/1983	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
28	Đỗ Thị Kim Hồng	19/12/1972	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm	16N2th	3,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
29	Đinh Thúy Lan	29/4/1971	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Trung Vương, Quận Hoàn Kiếm	16N2th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Tương đương trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
30	Nguyễn Quỳnh Trang	20/9/1984	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Thăng Long, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
31	Nguyễn Lê Thủy	27/04/1977	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
32	Trần Mai Trinh	09/10/1983	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm	12N2th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
33	Nguyễn Thu Giang	20/09/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mẫu giáo Mầm non A, Quận Hoàn Kiếm	8N 11th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
34	Tô Thị Hà	16/06/1989	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Bình Minh, Quận Hoàn Kiếm	10N10th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
35	Lê Thị Hồng Minh	22/03/1972	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Đinh Tiên Hoàng, Quận Hoàn Kiếm	9N3th	3,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	IC3	Anh A2				Tiếng Anh
36	Trương Thị Soan	16/08/1974	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non 1-6, Quận Hoàn Kiếm	6N 7th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
37	Nguyễn Văn Diễm	15/09/1988	Nam	viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mỹ Đức	9N9th	3,03	06a.031	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
38	Nguyễn Thị Thương	27/04/1991	Nữ	viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mỹ Đức	7N5th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
39	Nguyễn Thị Tân	09/10/1986	Nữ	viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mỹ Đức	7N11th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
40	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	18/09/1985	Nữ	viên chức	Ban quản lý dự án ĐTXD, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

41	Nguyễn Văn Huy	17/01/1983	Nam	viên chức	Ban quản lý dự án DTXD, Huyện Mỹ Đức	9N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
42	Trịnh Thế Thắng	04/11/1981	Nam	viên chức	Ban Quản lý khu di tích và Thắng cảnh Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
43	Mai Xuân Nghiêm	21/10/1973	Nam	viên chức	Trung tâm GDNN-GDĐT, Huyện Mỹ Đức	23N8th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
44	Nguyễn Thị Thương	07/10/1987	Nữ	Kế toán viên TC	MN Đồng Tâm, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
45	Bùi Thị Khanh	05/05/1982	Nữ	Kế toán viên TC	MN Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
46	Ngô Thị Châm Anh	15/01/1990	Nữ	Kế toán viên TC	MN Tuy Lai A, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
47	Nguyễn Thị Nhân	02/09/1987	Nữ	Kế toán viên TC	MN An Mỹ, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
48	Nguyễn Thị Thu Hà	03/07/1988	Nữ	Kế toán viên TC	MN Mỹ Thành, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
49	Nguyễn Thị Thu	21/09/1984	Nữ	Kế toán viên TC	MN Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
50	Vũ Thị Tâm	11/05/1988	Nữ	Kế toán viên TC	Trường MN Lê Thanh A, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
51	Lại Thanh Hằng	10/11/1986	Nữ	Kế toán viên TC	MN Xuy Xá, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	x			Tiếng Anh
52	Nguyễn Thị Thu Hà	10/07/1981	Nữ	Kế toán viên TC	MN Phú Lưu Tề, Huyện Mỹ Đức	8N10th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
53	Đinh Thị Xiêm	13/06/1989	Nữ	Kế toán viên TC	MN Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
54	Phan Thị Minh Hoa	02/10/1980	Nữ	Kế toán viên TC	MN Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức	7N5th	2,46	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
55	Lò Thị Thủy	20/06/1981	Nữ	Kế toán viên TC	MN Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
56	Cao Việt Hà	15/01/1980	Nữ	Kế toán viên TC	MN Độc Tin, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
57	Nguyễn Thị Thủy	01/03/1984	Nữ	Kế toán viên TC	MN An Tiến, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
58	Phùng Thị Huyền	25/06/1987	Nữ	Kế toán viên TC	MN Hùng Tiến, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
59	Trần Thị Huệ	13/02/1987	Nữ	Kế toán viên TC	MN Hợp Tiến, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học B	Anh C	x			Tiếng Anh
60	Nguyễn Thị Dương	26/07/1987	Nữ	Kế toán viên TC	MN An Phú A, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
61	Lê Thị Thu Đông	30/01/1982	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức	12N6th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
62	Phạm Thị Hồng Sáng	11/02/1974	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Đồng Tâm, Huyện Mỹ Đức	22N9th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
63	Nguyễn Thị Thanh	01/04/1975	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Độc Tin, Huyện Mỹ Đức	22N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
64	Nguyễn Thị Huệ	03/10/1983	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Vạn Kim, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
65	Phạm Thị Lan Thủy	21/10/1975	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức	22N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
66	Đỗ Thị Thu Huyền	14/03/1985	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS An Phú, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ĐH ngành CNTT	Anh C		x		Tiếng Anh
67	Phạm Thị Hào	21/05/1986	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh

68	Nguyễn Thị Xuân	23/12/1980	Nữ	Kế toán viên TC	Trường THCS Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức	11N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
69	Nguyễn Thị Bắc	19/05/1976	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH An Mỹ, Huyện Mỹ Đức	22N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	x			Tiếng Anh
70	Cao Thị Luyện	07/11/1984	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH xã An Phú, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2	x			Tiếng Anh
71	Nguyễn Thị Mơ	14/05/1986	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Bột Xuyên, Huyện Mỹ Đức	11N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
72	Nguyễn Thị Thu Thủy	13/02/1984	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
73	Dương Thị Chính	28/07/1982	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Hồng Sơn, Huyện Mỹ Đức	12N5th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
74	Mai Thị Tươi	12/09/1987	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Hợp Tiến B, Huyện Mỹ Đức	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
75	Nguyễn Công Thắng	06/03/1972	Nam	Kế Toán viên TC	Trường TH Hùng Tiến, Huyện Mỹ Đức	22N10h	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
76	Lê Thị Thuý	06/08/1984	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Hương Sơn C, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
77	Phạm Thị Minh Huệ	21/06/1986	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Lê Thanh B, Huyện Mỹ Đức	10N2th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
78	Lê Thị Vân	11/09/1987	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Mỹ Thành, Huyện Mỹ Đức	10N6th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
79	Nguyễn Thị Thành	27/08/1987	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Phù Lưu Tế, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
80	Lê Thị Bích Nhung	14/02/1974	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức	22N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
81	Đinh Thủy Dương	25/07/1978	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Tế Tiêu, Huyện Mỹ Đức	21N7th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
82	Nguyễn Thị Thao	17/08/1985	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Thượng Lâm, Huyện Mỹ Đức	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
83	Nguyễn Thanh Tuấn	08/03/1989	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức	7N5th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
84	Trần Khánh Chư	17/05/1968	Nữ	Kế toán viên TC	Trường TH Phúc Lâm, Huyện Mỹ Đức	12N9th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
85	Lê Thị Thu Hà	05/10/1974	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện, Huyện Ứng Hòa	20N11th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
86	Khả Thị Hường	19/07/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Viên Nội, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
87	Đinh Thị Yên	13/06/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Hoa Sơn, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
88	Bùi Thị Thủy Hằng	10/09/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Cao Thành, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
89	Nguyễn Thị Hà	07/05/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Liên Bạt, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
90	Bùi Thị Thu Thủy	22/12/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Thị Trấn Văn Đình, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
91	Phạm Thị Kim Oanh	29/01/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Văn Thái, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
92	Đỗ Thị Thanh Hương	30/08/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Hòa Xá, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
93	Ngô Thị Phương Mai	24/11/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Hòa Nam, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
94	Nguyễn Thị Thu	07/05/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Hòa Phú, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh

95	Trần Thị Hà	20/09/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Phù Lưu, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
96	Nguyễn Thị Thu Hà	08/01/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm Non Đông Lỗ, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
97	Nguyễn Thị Hoa	08/04/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Mầm non Tảo Dương Văn, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
98	Ngô Đức Vương	18/01/1966	Nam	Kế toán viên trung cấp	TH Viên An, Huyện Ứng Hòa	23N7th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
99	Phạm Thị Thu Vân	15/10/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Vạn Thái, Huyện Ứng Hòa	12N7th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
100	Nguyễn Thị Thu Vân	22/05/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Đội Bình, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
101	Đỗ Thị Phương Lan	23/05/1973	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH TT Văn Đình, Huyện Ứng Hòa	22N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
102	Nguyễn Thị Thuý Lợi	13/08/1975	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Phương Tú, Huyện Ứng Hòa	23N7th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
103	Đặng Thị Dung	31/05/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Hòa Lâm, Huyện Ứng Hòa	14N3th	3,26	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
104	Nguyễn Thị Quý	07/12/1973	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Kim Đường, Huyện Ứng Hòa	23N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
105	Dương Trung Hiếu	08/12/1975	Nam	Kế toán viên trung cấp	TH Đông Lỗ, Huyện Ứng Hòa	23N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
106	Nguyễn Thị Xuyên	08/02/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH T.D.Văn, Huyện Ứng Hòa	8N6th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
107	Hoàng Thị Hà	17/05/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Tân Phương, Huyện Ứng Hòa	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
108	Nguyễn Thị Chung	03/11/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Hoa Sơn, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
109	Trần Thị Huệ	21/12/1971	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Thị Trần Văn Đình, Huyện Ứng Hòa	25N4th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
110	Vũ Thị Hải Vân	16/08/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Hòa Nam, Huyện Ứng Hòa	10N4th	2,66	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
111	Nguyễn Thị Thùy Dương	18/01/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Hòa Phú, Huyện Ứng Hòa	25N7th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
112	Lê Thị Hiền	27/10/1970	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Phù Lưu, Huyện Ứng Hòa	29 năm 10 tháng	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
113	Phan Thị Thúy	16/03/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Lưu Hoàng, Huyện Ứng Hòa	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
114	Đỗ Thị Hiền	01/02/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Hồng Quang, Huyện Ứng Hòa	15N4th	3,34	06a.031	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
115	Lê Hải Thúy	02/01/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Đông Tân, Huyện Ứng Hòa	10N4th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
116	Nguyễn Thị Miên	15/02/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Đại Cường, Huyện Ứng Hòa	12N8th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
117	Hà Thị Oanh	19/05/1986	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Bích Hòa, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
118	Nguyễn Thị Liên	06/11/1986	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Bình Minh I, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
119	Đào Thị Mùi	28/08/1979	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường mầm non Bình Minh II, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
120	Lê Thị Sinh Ngoan	05/09/1981	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Hồng Dương, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
121	Nguyễn Thị Đào	10/10/1986	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Kim An, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
122	Nguyễn Thị Phương	13/07/1971	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm Non Kim Thư, Huyện Thanh Oai	24N4th	4,06	06.032	ĐH- Kế toán công nghiệp		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh

123	Hà Thị Hồng Nhung	14/12/1988	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Phương Trung I, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
124	Phạm Thị Thu Huyền	19/05/1988	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường mầm non Phương Trung II, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
125	Nguyễn Thị Hồng	11/11/1990	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Tam Hưng B, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
126	Nguyễn Thị Sự	28/11/1984	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Thanh Cao, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
127	Lê Thị Minh	10/02/1988	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Thanh Vân, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
128	Nguyễn Thị Nga	25/06/1983	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Thị trấn Kim Bài, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
129	Vũ Thị Tâm	02/02/1984	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Xuân Dương, Huyện Thanh Oai	12N4th	3,06	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
130	Lê Thu Thủy	12/02/1987	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Cao Viên II, Huyện Thanh Oai	10N9th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
131	Nguyễn Thị Mai Lan	03/09/1974	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Cư Khê, Huyện Thanh Oai	26N6th	4,06 +VK 5%	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
132	Bùi Thị Tình	17/07/1987	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Kim An, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
133	Nguyễn Thị Thuý Nguyệt	16/08/1979	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Kim Thư, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
134	Nguyễn Thị Phương	14/09/1989	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Liên Châu, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán	sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
135	Nguyễn Thị Vui	24/06/1988	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Mỹ Hưng, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
136	Nguyễn Hồng Liên	01/06/1986	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Tiểu học Thanh Mai, Huyện Thanh Oai	9N	2,66	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
137	Nguyễn Thị Văn Hà	24/07/1985	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường THCS Cao Dương, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán tổng hợp	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
138	Nguyễn Thị Huyền	13/04/1980	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường THCS Cư Khê, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
139	Nguyễn Thị Nguyệt	05/11/1982	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường THCS Kim An, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
140	Hoàng Thị Mai Tuyết	25/09/1982	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường THCS Thanh Cao, Huyện Thanh Oai	9N6T	2,86	06.032	ĐH - Kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
141	Nguyễn Thị Bích Thủy	30/01/1975	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường THCS Xuân Dương, Huyện Thanh Oai	22N10th	4,06	06.032	ĐH - Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
142	Nguyễn Thị Thảo	08/09/1984	Nữ	Viên chức	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Huyện Thanh Oai	12N9th	3,34	06a.031	ĐH - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
143	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/08/1985	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Dân Hòa, Huyện Thanh Oai	10N5h	2,86	06.032	ĐH-Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
144	Đào Thị Hằng	19/09/1987	Nữ	Viên chức Kế toán	Trường Mầm non Mỹ Hưng, Huyện Thanh Oai	10N5th	2,86	06.032	ĐH - Kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
145	Phạm Thu Thủy	21/08/1978	Nữ	Kế toán	Trường MN Thực hành Linh Đàm, Quận Hoàng Mai	11 năm 5 tháng	2,86	6,032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
146	Đỗ Thị Thu Huyền	24/09/1976	Nữ	Kế toán	Trường TH Chu Văn An, Quận Hoàng Mai	12 năm	3,66	06.032	ĐH Quản lý (Tài chính - Kế toán)		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh

147	Nguyễn Thu Giang	11/11/1989	Nữ	Kế toán	Trường TH Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
148	Vũ Thị Thu Hà	17/09/1982	Nữ	Kế toán	Trường TH Tân Mai, Quận Hoàng Mai	12 năm	3,26	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
149	Nguyễn Ngọc Quỳnh	14/04/1984	Nữ	Kế toán	Trường TH Mai Động, Quận Hoàng Mai	12 năm	3,06	06.032	ĐH Kế toán - Kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
150	Phạm Thị Diệp	08/07/1980	Nữ	Kế toán	Trường THCS Định Công, Quận Hoàng Mai	12 năm	3,26	06.032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
151	Hoàng Thị Diệp Anh	25/12/1985	Nữ	Kế toán	Trường THCS Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai	11 năm 6 tháng	2,86	06.032	ĐH ngành Tài chính Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
152	Nguyễn Thị Dung	02/08/1986	Nữ	Kế toán	Trường THCS Giáp Bát, Quận Hoàng Mai	11 năm 6 tháng	2,86	06.032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
153	Nguyễn Thị Thanh Loan	25/08/1981	Nữ	Kế toán	Trường THCS Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai	11 năm 6 tháng	2,86	06.032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
154	Vũ Thị Tuyết	25/01/1980	Nữ	Viên chức - Kế toán trưởng	Kế toán viên trung cấp, Quận Long Biên	9 năm 7 tháng	3,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
155	Phạm Thu Hiền	11/09/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Sơn Ca, Quận Long Biên	10 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
156	Âu Thị Lý	10/07/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Bồ Đề, Quận Long Biên	12 năm 6 tháng	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
157	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/07/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Lê Quý Đôn, Quận Long Biên	7 năm 03 tháng	2,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A3				Tiếng Anh
158	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	22/03/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Đức Giang, Quận Long Biên	7 năm 3 tháng	2,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
159	Nguyễn Thị Thu Trang	17/06/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Gia Thụy, Quận Long Biên	13 năm 02 tháng	3,06	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
160	Trương Thị Diệu	03/10/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Giang Biên, Quận Long Biên	12 năm	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
161	Nguyễn Thị Nguyệt	16/06/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Thanh Am, Quận Long Biên	6 năm 5 tháng	2,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
162	Đỗ Thị Ánh Tuyết	04/03/1975	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Ánh Sao, Quận Long Biên	22 năm 2 tháng	4,06	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
163	Trần Thanh Dung	10/03/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Hoa Sữa, Quận Long Biên	12 năm	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
164	Âu Thị Giang	14/07/1978	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Đô thị Sài Đồng, Quận Long Biên	12 năm 06 tháng	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
165	Nguyễn Thị Bắc	19/05/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Long Biên A, Quận Long Biên	9 năm 4 tháng	2,66	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
166	Dương Thị Kim Thanh	15/06/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Phúc Đồng, Quận Long Biên	11 năm 9 tháng	3,66	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tương đương Anh A2				Tiếng Anh
167	Nguyễn Thị Thanh Mai	19/03/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Hoa Anh Đào, Quận Long Biên	9 năm 9 tháng	2,86	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh

168	Đào Thị Hương	29/12/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Thạch Bàn, Quận Long Biên	9 năm 4 tháng	2,86	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
169	Nguyễn Thị Phương Mai	23/12/1975	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Thượng Thanh, Quận Long Biên	12 năm 6 tháng	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trung cấp nghề	Anh A2				Tiếng Anh
170	Đào Thị Diên Hồng	25/01/1977	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường mầm non Tuổi Hoa, Quận Long Biên	12 năm	3,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
171	Trần Thị Nguyệt	04/04/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Đỗ thị Sài Đồng, Quận Long Biên	13 năm 01 tháng	3,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Đại học Tiếng Anh			X	
172	Nguyễn Thu Huyền	10/09/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Đỗ Thị Việt Hưng, Quận Long Biên	6 năm 5 tháng	2,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
173	Nguyễn Thị Kim Tuyến	16/07/1968	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Đoàn Kết, Quận Long Biên	26 năm 02 tháng	4.06 VK 6%	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
174	Mai Thị Mẫn	04/11/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Đức Giang, Quận Long Biên	09 năm 09 tháng	3,06	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
175	Vũ Thị Sâm	20/11/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Gia Thụy, Quận Long Biên	06 năm 05 tháng	2.46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
176	Trần Thị Ngọc Duyên	20/09/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Giang Biên, Quận Long Biên	11 năm 04 tháng	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Đại học Tiểu học	Anh B		x		Tiếng Anh
177	Nguyễn Thúy Hồng	06/04/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Lý Thường Kiệt, Quận Long Biên	11 năm 09 tháng	3,86	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
178	Phan Thị Mai	04/06/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Ngọc Lâm, Quận Long Biên	11 năm 06 tháng	2,86	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
179	Phạm Thị Yến	29/01/1973	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Phúc Đồng, Quận Long Biên	24 năm 08 tháng	4.06 VK 6%	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
180	Nguyễn Thị Nga	29/10/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Phúc Lợi, Quận Long Biên	06 năm 05 tháng	2,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trung cấp	Anh B		x		Tiếng Anh
181	Nguyễn Ngọc Tú	17/10/1978	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Sài Đồng, Quận Long Biên	11 năm 08 tháng	3,66	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Tương đương Anh A2				Tiếng Anh
182	Phạm Thị Thanh Hoa	16/11/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Gia Thụy, Quận Long Biên	06 năm 05 tháng	2,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
183	Nguyễn Thị Nhân	19/10/1973	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Việt Hưng, Quận Long Biên	12 năm 04 tháng	3.26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
184	Chu Thị Thu Hiền	05/04/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Vũ Xuân Thiều, Quận Long Biên	12 năm 04 tháng	3,26	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trung cấp	Anh B1				Tiếng Anh
185	Dương Thị Minh Trường	22/10/1973	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường PTCS Hy Vọng, Quận Long Biên	24 năm 08 tháng	4.06 VK 6%	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
186	Nguyễn Thị Mươi Hồng	31/01/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường tiểu học Lê Quý Đôn, Quận Long Biên	13 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh

01

187	Nguyễn Hồng Hoa	28/08/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Thanh Am, Quận Long Biên	12 năm 6 tháng	3,06	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
188	Hoàng Anh	05/12/1971	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Phúc Lợi, Quận Long Biên	26 năm 04 tháng	4.06 VK 7%	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	TC nghề	Anh C				Tiếng Anh
189	Nguyễn Thị Hồng Vân	10/11/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Thạch Bàn, Quận Long Biên	12 năm 10 tháng	3,06	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
190	Nguyễn Thị Hồng Hải	26/07/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Đức Giang, Quận Long Biên	13 năm	3.46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Đại học Tiếng Anh			X	
191	Lê Thị Ánh	26/07/1974	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Việt Hưng, Quận Long Biên	24 năm 06 tháng	4.06 VK 5%	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
192	Đỗ Thị Thủy	26/05/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Cẩn Hữu, Huyện Quốc Oai	7N9T	2,46	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
193	Lê Thị Hằng	11/10/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Đại Thành, Huyện Quốc Oai	10N3T	2.86	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
194	Nguyễn Thị Trang	25/06/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Đồng Quang, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
195	Dương Thị Hồng Nhung	20/01/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Đông Xuân, Huyện Quốc Oai	11N0T	3.46	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh B				Tiếng Anh
196	Nguyễn Thị Bích Phượng	12/06/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Liệp Tuyết, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
197	Đỗ Thị Ngân	14/09/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Nghĩa Hương, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Đại học CNTT	Anh B				Tiếng Anh
198	Nguyễn Thị Thúy	26/04/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tân Hòa, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
199	Lê Thanh Ngọc	07/12/1971	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Thị Trấn , Huyện Quốc Oai	24N10T	4.06	06.032	Đại học - Ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
200	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16/03/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Thạch Thán , Huyện Quốc Oai	10N9T	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
201	Lê Thị Tuyết	25/10/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Tuyết Nghĩa , Huyện Quốc Oai	10N9T	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
202	Bùi Ngọc Thảo	03/01/1984	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Đông Xuân, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán	TC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
203	Đỗ Thị Nga	22/04/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Đông Yên B, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
204	Bùi Thị Hương	26/07/1973	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Ngọc Liệp , Huyện Quốc Oai	25N11T	4.06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
205	Nguyễn Thị Kim Oanh	12/02/1974	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Tân Hòa, Huyện Quốc Oai	17N	4.06; VK 6%	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh

206	Đỗ Thị Thuý	28/05/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Yên Sơn, Huyện Quốc Oai	15N2T	3,26	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
207	Nguyễn Thị Thủy	18/11/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Thị trấn Quốc Oai A, Huyện Quốc Oai	10N03T	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
208	Phạm Thị Hiền	31/07/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Đồng Quang B, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
209	Nguyễn Thị Thu Hương	08/11/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm GDNN-GDTX, Huyện Quốc Oai	13N6T	3,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
210	Kiều Thị Hồng Linh	07/12/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm PTQĐ huyện Quốc Oai, Huyện Quốc Oai	15 năm 6 tháng	3,26	06,032	Đại học, ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
211	Nguyễn Thị Huyền	02/04/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Liệp Tuyết, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
212	Vũ Thị Tinh	16/01/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Sài Sơn A, Huyện Quốc Oai	10N1T	2,86	06.032	Đại Học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
213	Tạ Thị Hương	21/04/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Long Phú, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
214	Tạ Thị Thủy	10/12/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Cấn Hữu, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại Học ngành Kế Toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
215	Nguyễn Thị Nga	03/10/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Sài Sơn B, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
216	Nguyễn Thị Hiền	31/05/1987	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Phương Cách, Huyện Quốc Oai	10 năm 9 tháng	2,86	06032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
217	Cần Thị Thúy Nga	21/10/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Ngọc Mỹ, Huyện Quốc Oai	10N3T	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành tài chính		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
218	Phùng Thị Thu Dung	03/08/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Tân Phú, Huyện Quốc Oai	10N9T	2,86	06.032	Đại Học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
219	Nguyễn Thị Thảo	18/01/1987	Nữ	Kế toán	Mầm non Bình Phú B, Huyện Thạch Thất	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
220	Khuất Thị Lý	26/01/1988	Nữ	Kế toán	MN Yên Bình, Huyện Thạch Thất	10 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
221	Kiều Thị Năm	13/10/1982	Nữ	Kế toán	MN Cấn Kiêm, Huyện Thạch Thất	10 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh

222	Đỗ Thu Huyền	08/05/1987	Nữ	Kế toán	MN Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất	11 năm 11 tháng	3,06	06.032	Đại học chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
223	Hà Thị Hương	09/08/1985	Nữ	Kế toán	MN Đại Đồng, Huyện Thạch Thất	10 năm 7 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
224	Nguyễn Thị Ba	28/10/1987	Nữ	Kế toán	MN Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất	10 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
225	Vương Thị Thu Hà	15/11/1984	Nữ	Kế toán	MN Lại Thượng, Huyện Thạch Thất	10 năm 6 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
226	Nguyễn Thị Tuyền	16/09/1986	Nữ	Kế toán	Mầm non Hạ Bằng, Huyện Thạch Thất	20 năm 03 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
227	Đặng Thị Oanh	13/01/1987	Nữ	Kế toán	MN Tiến Xuân, Huyện Thạch Thất	10 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
228	Hoàng Thị Thúy	10/02/1982	Nữ	Kế toán	TH Cẩn Kiệm, Huyện Thạch Thất	11 năm 5 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học VP B	Anh B				Tiếng Anh
229	Lê Thị Sáu	26/06/1984	Nữ	Kế toán	TH Kim Quan, Huyện Thạch Thất	10 năm 7 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
230	Khuất Thị Lan	25/08/1988	Nữ	Kế toán	TH Minh Hà A, Huyện Thạch Thất	11 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A				Tiếng Anh
231	Đỗ Thị Ngọc Oanh	17/10/1991	Nữ	Kế toán	TH Bình Phú B, Huyện Thạch Thất	6 năm 02 tháng	2,46	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
232	Vương Thị Huyền	12/08/1987	Nữ	Kế toán	TH Cẩm Yên, Huyện Thạch Thất	10 năm 9 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
233	Phi Thị Chung	12/11/1980	Nữ	Kế toán	Trường TH Yên Bình B, Huyện Thạch Thất	13 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh

234	Phùng Thị Hạnh	19/05/1987	Nữ	Kế toán	TH Phùng Xá, Huyện Thạch Thất	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
235	Nguyễn Văn Giáp	02/12/1984	Nam	Kế toán	TH Yên Trung, Huyện Thạch Thất	10 năm 9 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
236	Nguyễn Thị Hà	22/10/1984	Nữ	Kế toán	THCS Hương Ngải, Huyện Thạch Thất	10 năm 7 tháng	2,66	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
237	Cần Thị Thanh Huyền	06/10/1988	Nữ	Kế toán	THCS Yên Bình, Huyện Thạch Thất	11 năm 11 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
238	Nguyễn Thị Thu	01/11/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	THCS Hữu Bằng, Huyện Thạch Thất	11 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
239	Phí Thị Nguyệt	17/02/1988	Nữ	Kế toán	THCS Bình Phú, Huyện Thạch Thất	11 năm	2,86	06.032	Đại học kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
240	Nguyễn Thị Nguyên	20/02/1985	Nữ	Kế toán	THCS Đại Đồng, Huyện Thạch Thất	11 năm	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
241	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/05/1989	Nữ	Kế toán	THCS Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất	11 năm	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
242	Kiều Văn Tiến	01/06/1986	Nam	Kế toán	THCS Phùng Xá, Huyện Thạch Thất	11 năm 5 tháng	2,86	06.032	Thạc Sĩ Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
243	Phùng Thị Thanh Nga	12/12/1985	Nữ	Kế toán	THCS Thạch Thất, Huyện Thạch Thất	11 năm 6 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán; Thạc sỹ Kinh tế	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
244	Cần Thị Nhâm	18/10/1982	Nữ	Kế toán	THCS Kim Quan, Huyện Thạch Thất	14 năm 10 tháng	3,26	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
245	Dương Thị Hạnh	17/10/1988	Nữ	Kế toán	THCS Thạch Xá, Huyện Thạch Thất	11 năm	2,86	06.032	Đại học kế toán; Cao đẳng kế toán; Trung cấp kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học B	Anh B				Tiếng Anh
246	Nguyễn Thị Thín	21/04/1988	Nữ	Kế toán	THCS Minh Hà Canh Nậu, Huyện Thạch Thất	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học ứng dụng B	Anh A2				Tiếng Anh
247	Nguyễn Thị Thủy Quỳnh	23/11/1988	Nữ	Kế toán	Ban QLDA ĐTXD huyện Thạch Thất, Huyện Thạch Thất	7 năm 11 tháng	2,72	06a.031	Đại học chuyên ngành kế toán-kiểm toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh

248	Đoàn Hữu Vinh	02/09/1990	Nam	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính - Kế toán - Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Văn hóa - Xã hội TPHN, Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình văn hóa - xã hội TPHN	8 năm	2,72	06.031a	Cử nhân ngành Kế toán	Không	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
249	Đỗ Thị Lâm Thủy	25/04/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội, Sơ Y tế	08 năm 09 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
250	Nguyễn Thị Kim Thoa	18/06/1978	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện Ung Bướu HN, Sơ Y tế	13 năm 01 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B1				Tiếng Anh
251	Nguyễn Bích Vân	29/10/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện Ung Bướu HN, Sơ Y tế	13 năm 01 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B1				Tiếng Anh
252	Vũ Thị Phương Anh	03/11/1989	Nữ	Kế toán viên Cao đẳng	Bệnh viện Mắt Hà Đông, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Đại học Tiếng Anh			X	
253	Nguyễn Thị Quỳnh	08/11/1986	Nữ	Kế toán viên Trung cấp	Bệnh viện Mắt Hà Đông, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B1				Tiếng Anh
254	Nguyễn Thanh Bình	21/12/1981	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tim Hà Nội, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	3,65	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
255	Nguyễn Thị Hiền	16/03/1983	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tim Hà Nội, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	3,65	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
256	Dư Thị Thanh Thủy	23/02/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tim Hà Nội, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	3,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
257	Hoàng Thị Thu Huyền	04/08/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tim Hà Nội, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	3,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trung cấp tin học văn phòng	Anh B				Tiếng Anh
258	Phan Thị Hồng Sang	28/09/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tim Hà Nội, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	3,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
259	Vũ Thị Định	24/08/1977	Nữ	Kế toán trung cấp	Bệnh viện đa khoa Hôe Nhai, Sơ Y tế	04 năm	3,26	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
260	Hoàng Thị Dương	05/09/1984	Nữ		Phòng Kế toán tài chính - Bệnh viện đa khoa Xanh pôn, Sơ Y tế	07 năm 04 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
261	Nguyễn Thị Thanh Lân	20/01/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Phòng TCKT - Bệnh viện Thanh Nhân, Sơ Y tế	13 năm 02 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh

262	Nguyễn Thị Hà	26/11/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	BV Đa khoa Hà Đông, Sơ Y tế	07 năm	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
263	Nguyễn Thị Ngọc Yến	20/11/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	BV Đa khoa Hà Đông, Sơ Y tế	07 năm	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
264	Nguyễn Thanh Tùng	08/10/1978	Nam	Phó trưởng phòng	Phòng Tài chính kế toán - BVĐK Đức Giang, Sơ Y tế	13 năm 02 tháng	3,65	06a.031	Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng; Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
265	Nguyễn Thị Hà	09/04/1978	Nữ	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán - BVĐK Đức Giang, Sơ Y tế	13 năm 02 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
266	Đỗ Xuân Minh	19/09/1992	Nam	Kế toán viên	Phòng Tài chính kế toán - BVĐK Đức Giang, Sơ Y tế	05 năm 03 tháng	2,41	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
267	Vũ Quang Huy	06/08/1983	Nam	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
268	Chu Thị Hậu	26/08/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì, Sơ Y tế	07 năm 04 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
269	Bùi Thủy Hương	04/01/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức, Sơ Y tế	05 năm 4 tháng	2,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2				Tiếng Anh
270	Đặng Thị Ngà	18/09/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Tâm thần Hà Nội, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
271	Ngô Thị Kim Phượng	27/12/1980	Nữ	Kế toán	BVĐK Sóc Sơn, Sơ Y tế	09 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
272	Chu Thị Minh Chung	05/03/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Sơ Y tế	09 năm 02 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
273	Khuất Thị Thuận	24/08/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Sơ Y tế	09 năm 02 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
274	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	05/08/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Sơ Y tế	09 năm 02 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
275	Trần Thị Trang	20/06/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Sơ Y tế	09 năm 02 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh

276	Tạ Minh Hồng	14/01/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Đống Đa, Sở Y tế	05 năm 03 tháng	3,26	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
277	Phạm Thị Minh Tâm	01/07/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Đống Đa, Sở Y tế	05 năm 03 tháng	3,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
278	Phạm Thị Thu Thảo	06/10/1973	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Bệnh viện YHCT Hà Đông, Sở Y tế	07 năm 04 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
279	Vũ Thị Hoàng Oanh	01/05/1989	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Bệnh viện YHCT Hà Đông, Sở Y tế	09 năm 07 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
280	Tạ Thị Ái Hằng	07/09/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Thạch Thất, Sở Y tế	12 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
281	Đỗ Kim Tuyền	05/10/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Thạch Thất, Sở Y tế	08 năm 09 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
282	Nguyễn Thị Thanh	31/07/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Thạch Thất, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
283	Vũ Thị Ánh Tuyết	07/03/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Thạch Thất, Sở Y tế	07 năm 04 tháng	2,46	06.032	Thạc sỹ ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
284	Lê Thị Duyên	08/06/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Thạch Thất, Sở Y tế	10 năm	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
285	Đặng Thị Vân	14/02/1991	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức, Sở Y tế	06 năm 10 tháng	2,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
286	Trần Thị Thu Huyền	09/12/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức, Sở Y tế	06 năm 10 tháng	2,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
287	Nguyễn Thị Hoàng Hải	22/12/1988	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, Sở Y tế	05 năm	2,10	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
288	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/08/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, Sở Y tế	12 năm	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
289	Nguyễn Thị Hào	29/06/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
290	Nguyễn Thị Thu Hằng	08/02/1975	Nữ	Viên chức phòng Kế hoạch - Tài chính - Kế toán	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội, Sở Y tế	25 năm 11 tháng	4,06 + PC TNVK 5%	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh

291	Nguyễn Thị Huệ	17/02/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Hành chính Tổ chức Tài vụ - TTYT quận Tây Hồ, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Trung cấp Tiếng anh				Tiếng Anh
292	Nguyễn Thị Kim Phương	18/03/1986	Nữ	Nhân viên	Phòng HC-TC-TV, TTYT huyện Phúc Thọ, Sở Y tế	08 năm 09 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
293	Cần Thị Thơm	15/04/1985	Nữ	Kế toán trưởng/ Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế huyện Thạch Thất, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
294	Trương Thị Hồng	05/10/1968	Nữ	Phụ trách kế toán	Trung tâm Y tế huyện Đan Phượng, Sở Y tế	15 năm	4,06 + PC TNVK 11%	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B		x	x	
295	Nguyễn Thị Lan	08/01/1978	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Đức, Sở Y tế	10 năm 06 tháng	3,03	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
296	Tô Đăng Thắng	15/10/1985	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Đức, Sở Y tế	05 năm 03 tháng	2,26	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
297	Trần Ngọc Tánh	02/06/1986	Nam	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	3,03	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
298	Đặng Thị Thanh Huyền	08/05/1985	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	3,03	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
299	Nguyễn Thị Ánh Châm	01/10/1984	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế huyện Ứng Hòa, Sở Y tế	05 năm 03 tháng	3,03	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
300	Nguyễn Thị Hằng	23/10/1989	Nữ	Kế toán trưởng	Trung tâm Y tế huyện Mê Linh, Sở Y tế	07 năm 04 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
301	Phùng Thị Hường	02/11/1990	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Y tế huyện Mê Linh, Sở Y tế	07 năm 04 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
302	Triệu Thế Thụ	15/01/1986	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế huyện Mê Linh, Sở Y tế	13 năm 01 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
303	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/08/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Sở Y tế	09 năm 02 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh

304	Nguyễn Thị Hường	02/11/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây, Sờ Y tế	09 năm 02 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Tài chính	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
305	Nguyễn Thu Hà	22/08/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Đồng Đa, Sờ Y tế	13 năm 02 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
306	Phạm Xuân Kiên	20/11/1979	Nam	Kế toán viên trung cấp	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín, Sờ Y tế	12 năm	3,06	06.032	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
307	Nguyễn Thị Như Hương	09/06/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội, Sờ Y tế	09 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
308	Nguyễn Thị Hoa	22/10/1974	Nữ	Kế toán	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Văn Đình, Sờ Y tế	07 năm 04 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
309	Nguyễn Thị Lý	11/08/1982	Nữ	Kế toán	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Văn Đình, Sờ Y tế	05 năm 03 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
310	Hoàng Thị Hồng	24/07/1985	Nữ	Kế toán	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Văn Đình, Sờ Y tế	06 năm 10 tháng	2,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
311	Trịnh Thu Hà	27/05/1993	Nữ	Kế toán	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Văn Đình, Sờ Y tế	04 năm 03 tháng	2,41	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
312	Trần Thị Huyền Nhung	09/08/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Đông Anh, Sờ Y tế	09 năm 04 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
313	Đỗ Thị Khánh Chi	02/09/1990	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Quốc Oai, Sờ Y tế	07 năm 06 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
314	Nguyễn Hải Đường	13/10/1974	Nam	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Quốc Oai, Sờ Y tế	09 năm 05 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
315	Nguyễn Thị Dung	22/11/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Quốc Oai, Sờ Y tế	09 năm 05 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
316	Ngô Đức Hà	26/01/1991	Nam	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Thanh Trì, Sờ Y tế	04 năm 10 tháng	2,26	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
317	Hoàng Thị Kim Tuyền	27/08/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Thanh Trì, Sờ Y tế	04 năm 10 tháng	2,26	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
318	Trần Văn Đức	14/12/1979	Nam	Kế toán	BVĐK Sóc Sơn, Sờ Y tế	05 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

319	Phạm Thị Hiền	29/12/1982	Nữ	Kế toán	BVĐK Sóc Sơn, Sờ Y tế	13 năm 02 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Ứng dụng B	Anh B				Tiếng Anh
320	Lê Thị Hiền	03/10/1987	Nữ	Kế toán	BVĐK Sóc Sơn, Sờ Y tế	09 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
321	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/03/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - BVĐK huyện Phúc Thọ, Sờ Y tế	04 năm 09 tháng	2,26	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
322	Nguyễn Thị Mai Hương	26/12/1986	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	BVĐK huyện Mê Linh, Sờ Y tế	09 năm 02 tháng	3,03	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
323	Nguyễn Thị Nga	05/08/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	BVĐK huyện Mê Linh, Sờ Y tế	07 năm 03 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh A2				Tiếng Anh
324	Kiều Thị Kim Thúy	10/12/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	BVĐK huyện Mê Linh, Sờ Y tế	12 năm 09 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
325	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	08/06/1993	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Gia Lâm, Sờ Y tế	05 năm 06 tháng	2,41	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
326	Khuất Thị Minh Phương	30/09/1991	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện đa khoa Gia Lâm, Sờ Y tế	07 năm	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
327	Nguyễn Thùy Dung	20/08/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm giám định y khoa Hà Nội, Sờ Y tế	12 năm 09 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
328	Nguyễn Thị Thanh Hà	28/12/1973	Nữ	Kế toán trưởng	TTYT Hoàn Kiếm, Sờ Y tế	13 năm 02 tháng	4,06 + PC TNVK 9%	06.032	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Đại học Tiếng Anh			X	
329	Phạm Thu Hiền	09/02/1985	Nữ	PTP Kế toán trưởng- Kế toán viên cao đẳng	Phòng HCTCTV- Trung tâm Y tế quận Ba Đình, Sờ Y tế	12 năm 10 tháng	3,34	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh bậc 2				Tiếng Anh
330	Nguyễn Phương Ngọc	21/08/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Hành chính Tổ chức Tài vụ TTYT Thanh Xuân, Sờ Y tế	07 năm 05 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
331	Ngô Thị Diễm	28/11/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng HC-TC-TV - Trung tâm Y tế quận Long Biên, Sờ Y tế	07 năm 02 tháng	2,46	06.032	Thạc sỹ ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
332	Trần Thu Lan	04/06/1979	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng HC-TC-TV - Trung tâm Y tế quận Long Biên, Sờ Y tế	07 năm 05 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
333	Đặng Thị Huyền Nhung	06/08/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế quận Bắc Từ Liêm, Sờ Y tế	09 năm 03 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

334	Phạm Thị Thu Hiền	10/12/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng HCTCTV- TTYT Nam Từ Liêm, Sở Y tế	07 năm 04 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
335	Nguyễn Thị Hồng Thu	06/12/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế huyện Ba Vì, Sở Y tế	11 năm 10 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
336	Cao Thị Hiếu	25/12/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng HCTCTV- TTYT Hoài Đức, Sở Y tế	11 năm	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
337	Nguyễn Văn Anh	22/06/1990	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Phòng HCTCTV- TTYT Hoài Đức, Sở Y tế	06 năm 04 tháng	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
338	Bùi Thị Thu Vân	13/10/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Y tế quận Hà Đông, Sở Y tế	21 năm 08 tháng	3,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
339	Hồ Song Hà	16/10/1984	Nam	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện Tim Hà Nội, Sở Y tế	09 năm 03 tháng	3,26	06.032	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
340	Vũ Kim Ngân	29/06/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa Thanh Trì, Sở Y tế	13 năm 03 tháng	4,06	06.032	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
341	Lê Thị Quỳnh Trang	17/03/1989	Nữ	Kế toán	Phòng Tài chính kế toán - Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ, Sở Y tế	04 năm 03 tháng	2,41	06a.031	Đại học ngành Tài chính - Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
342	Đoàn Thị Thu Thảo	15/06/1990	Nữ	Kế toán trưởng Trung tâm	Phòng Tổ chức hành chính Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Sở Công thương	8 năm 4 tháng	2,86	06.032	Đại học chuyên ngành Kế toán	Đang học Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
343	Đoàn Thị Hoa Lâm	21/05/1983	Nữ	Kế toán	Phòng Tổ chức hành chính Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Sở Công thương	11 năm 7 tháng	3,34	06a.031	Đại học chuyên ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
344	Phí Thị Huyền	01/07/1984	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Hà Trì, Quận Hà Đông	7 năm 8 tháng	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B1	Không			Tiếng Anh
345	Bùi Thị Chung Hiếu	20/08/1979	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Hòa My, Quận Hà Đông	6 năm 3 tháng	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C	Không			Tiếng Anh
346	Trương Thị La	12/06/1990	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Hoa Sen, Quận Hà Đông	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
347	Nguyễn Thị Thanh Huyền	31/07/1984	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Mậu Lương, Quận Hà Đông	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2	Không			Tiếng Anh
348	Phạm Hồng Thiêm	08/09/1974	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Mỗ Lao, Quận Hà Đông	13 năm 4 tháng	4,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh

349	Nguyễn Thị Thương	07/07/1990	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông	4 năm 9 tháng	2,26	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
350	Đồng Thị Quyên	10/02/1984	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Phú La, Quận Hà Đông	9 năm 2 tháng	2,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
351	Đức Thị Hoa	27/12/1990	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Phú Lương, Quận Hà Đông	8 năm 3 tháng	2,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
352	Lã Thị Mai Thành	19/08/1987	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Yên Nghĩa, Quận Hà Đông	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
353	Phạm Thị Loan	31/08/1991	Nữ	Nhân viên Kế toán	Mầm non Ánh Dương, Quận Hà Đông	7 năm 2 tháng	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
354	Nguyễn Bảo Trung	11/11/1988	Nam	Nhân viên kế toán	TH Lê Lợi, Quận Hà Đông	8 năm 8 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành Tài chính ngân hàng		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
355	Đoàn Thu Trang	16/10/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Đồng Mai II, Quận Hà Đông	10 năm 2 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
356	Bùi Thị Thu Hương	14/04/1978	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Kiến Hưng, Quận Hà Đông	12 năm 6 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C	Không			Tiếng Anh
357	Phạm Thị Hanh	11/03/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Phú Lương II, Quận Hà Đông	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
358	Hoàng Thị Kim Dung	28/06/1981	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Vạn Phúc, Quận Hà Đông	12 năm 5 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
359	Lê Thị Quỳnh Như	05/01/1986	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Phú Lãm, Quận Hà Đông	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
360	Đặng Thị Bích Ngọc	03/07/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Trần Phú, Quận Hà Đông	8 năm 2 tháng	2,66	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
361	Mai Thị Luyến	25/04/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Trần Quốc Toán, Quận Hà Đông	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kinh tế - kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
362	Lê Thị Thu	20/08/1976	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Văn Yên, Quận Hà Đông	10 năm	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
363	Phạm Thị Phú	12/01/1987	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Yết Kiêu, Quận Hà Đông	6 năm 3 tháng	2,46	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
364	Nguyễn Thị Thanh Hương	21/07/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	TH An Hưng, Quận Hà Đông	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B	Không			Tiếng Anh
365	Nguyễn Thị Thương	10/05/1987	Nữ	Nhân viên kế toán	TH Trần Đăng Ninh, Quận Hà Đông	10 năm 1 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán doanh nghiệp		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C	Không			Tiếng Anh

366	Dương Thị Trang Vân	09/07/1986	Nữ	Nhân viên kế toán	TH La Khê, Quận Hà Đông	7 năm 1 tháng	2,46	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C	Không			Tiếng Anh
367	Lê Mai Thu	05/09/1989	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Phú La, Quận Hà Đông	8 năm 2 tháng	2,66	06.032	Đại học, ngành Tài chính - Ngân hàng	Không	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B	Không			Tiếng Anh
368	Nguyễn Thị Lan Anh	04/07/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Lê Lợi, Quận Hà Đông	9 năm	2,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
369	Nguyễn Thị Nguyệt	25/06/1982	Nữ	Nhân viên Kế toán	Tiểu học Mậu Lương, Quận Hà Đông	12 năm 8 tháng	3,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
370	Nguyễn Thu Hằng	17/11/1971	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Phú Lương, Quận Hà Đông	30 năm 5 tháng	4,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán	Không	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
371	Nguyễn Thị Vân	20/08/1984	Nữ	Viên chức	Trung tâm Phát triển quỹ đất, Huyện Phú Xuyên		2,66	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
372	Vũ Thị Thanh Bình Tuyết	11/06/1982	Nữ	Viên chức	Trung tâm Phát triển quỹ đất, Huyện Phú Xuyên		2,66	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
373	Nguyễn Thanh Huyền	11/09/1992	Nữ	Viên chức	Trung tâm Phát triển quỹ đất, Huyện Phú Xuyên		2,66	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
374	Chu Văn Tài	24/06/1990	Nam	Viên chức	Ban QLDA ĐTXD, Huyện Phú Xuyên	3/1/2012	2,66	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
375	Phùng Thị Mai	02/07/1983	Nữ	Viên chức	Ban QLDA ĐTXD, Huyện Phú Xuyên	10/16/2010	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
376	Hoàng Thị Hậu	28/09/1983	Nữ	Viên chức	Ban QLDA ĐTXD, Huyện Phú Xuyên	10/1/2010	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
377	Đinh Thị Diệu Linh	02/12/1991	Nữ	Viên chức	Ban QLDA ĐTXD, Huyện Phú Xuyên	3/15/2015	2,66	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
378	Chu Thị Hồng Yến	12/11/1991	Nữ	Viên chức	Ban QLDA ĐTXD, Huyện Phú Xuyên	5/2/2013	2,66	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
379	Lê Thị Lan	21/07/1986	Nữ	Kế toán	MN Bạch Hạ, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh B		x		Tiếng Anh
380	Quách Thị Hải	20/08/1987	Nữ	Kế toán	MN Châu Can A, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
381	Cù Thị Thu Thanh	28/09/1988	Nữ	Kế toán	MN Chuyên Mỹ, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
382	Bế Bích Hiền	05/12/1982	Nữ	Kế toán	MN Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
383	Nguyễn Thị Hoa	22/03/1982	Nữ	Kế toán	MN Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
384	Đặng Thị Minh Loan	15/03/1985	Nữ	Kế toán	MN Hồng Minh, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
385	Phan Thị Ngân	12/12/1987	Nữ	Kế toán	MN Hồng Thái, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
386	Nguyễn Thị Hồng Thanh	21/07/1985	Nữ	Kế toán	MN Khai Thái, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
387	Trịnh Thị Tâm	20/07/1987	Nữ	Kế toán	MN Minh Tân, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
388	Nguyễn Thị Thủy	29/11/1982	Nữ	Kế toán	MN Nam Phong, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
389	Tạ Thị Dung	15/03/1986	Nữ	Kế toán	MN Nam Tiến A, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh

390	Hoàng Thị Hương	07/06/1987	Nữ	Kế toán	MN Nam Tiến B, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
391	Phạm Thị Mai Hồng	29/01/1988	Nữ	Kế toán	MN Nam Triều, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
392	Nguyễn Thị Hải	30/07/1988	Nữ	Kế toán	MN Phú Túc, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
393	Bùi Hồng Duyên	15/02/1988	Nữ	Kế toán	MN Phúc Tiến, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
394	Đình Thị Huế	30/09/1985	Nữ	Kế toán	MN Phương Dục, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh C		x		Tiếng Anh
395	Nguyễn Thị Vui	20/11/1987	Nữ	Kế toán	MN Quang Trung, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
396	Nguyễn Thị Thanh Thủy	21/01/1982	Nữ	Kế toán	MN Sơn Hà, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
397	Nguyễn Hải Yến	17/05/1985	Nữ	Kế toán	MN Tân Dân, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
398	Ngô Thị Minh Phương	08/07/1981	Nữ	Kế toán	MN Tri Trung, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
399	Nguyễn Thị Hồng Thủy	20/12/1976	Nữ	Kế toán	MN Trung Tâm, Huyện Phú Xuyên	23N	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
400	Nguyễn Phương Thịnh	10/10/1982	Nữ	Kế toán	MN TT Phú Minh, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh C		x		Tiếng Anh
401	Nguyễn Thị Vân	03/08/1986	Nữ	Kế toán	MN TT Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
402	Dương Thị Nhung	23/08/1983	Nữ	Kế toán	MN Văn Hoàng, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
403	Nguyễn Thị Thoai	10/09/1981	Nữ	Kế toán	MN Văn Từ, Huyện Phú Xuyên	10N10T	2,86	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
404	Nghiêm Thị Kim Xuân	19/02/1973	Nữ	Kế toán	TH Hoàng Long, Huyện Phú Xuyên	26 năm	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
405	Nguyễn Thị Nga	01/01/1973	Nữ	Kế toán	TH Khai Thái, Huyện Phú Xuyên	27N	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
406	Chu Thị Nhung	03/12/1977	Nữ	Kế toán	TH Phú Túc, Huyện Phú Xuyên	12N	3,26	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng anh A2				Tiếng Anh
407	Nguyễn Thị Cánh	29/08/1973	Nữ	Kế toán	TH Phương Dục, Huyện Phú Xuyên	27N	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh A2				Tiếng Anh
408	Vũ Thị Tầm	03/06/1977	Nữ	Kế toán	TH Tri Thủy, Huyện Phú Xuyên	23N3T	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
409	Nguyễn Thị Mừng	19/10/1971	Nữ	Kế toán	THCS Minh Tân, Huyện Phú Xuyên	29N	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
410	Chu Thị Bích	19/05/1978	Nữ	Kế toán	THCS Nam Triều, Huyện Phú Xuyên	8N 6T	3,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
411	Phạm Thị Tinh	30/03/1974	Nữ	Kế toán	THCS Phúc Tiến, Huyện Phú Xuyên	27N	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh B		x		Tiếng Anh
412	Lương Thị Huyền	03/08/1974	Nữ	Kế toán	THCS Tri Trung, Huyện Phú Xuyên	27N	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng anh A2				Tiếng Anh
413	Đỗ Thị Thanh Thủy	15/02/1973	Nữ	Kế toán	THCS Văn Hoàng , Huyện Phú Xuyên	27N-3T	4,06	06.032	ĐH Kế toán	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng anh A2				Tiếng Anh
414	Chữ Thị Thủy	20/02/1982	Nữ	Kế toán	Trường mầm non xã Yên Mỹ, Huyện Thanh Trì	10n6th	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở		Tiếng Anh

415	Nguyễn Thị Ngọc Anh	02/08/1986	Nữ	Kế toán	Trường mầm non B xã Liên Ninh, Huyện Thanh Trì	10n6th	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
416	Hoàng Thị Thủy	05/10/1991	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Yên Xá xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì	6n5th	2,46	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
417	Nguyễn Thị Như Quỳnh	06/04/1980	Nữ	Kế toán	Trường mầm non A xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì	11n10th	3,46	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
418	Đỗ Thị Sáu	03/09/1986	Nữ	Kế toán	Trường mầm non A xã Vạn Phúc, Huyện Thanh Trì	7n3th	2,46	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
419	Nguyễn Đăng Huy	16/10/1979	Nam	Kế toán	Trường mầm non A xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì	11n4th	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
420	Đặng Thị Thanh Tuyền	17/06/1983	Nữ	Kế toán	Trường mầm non B xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì	10n6th	3,26	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
421	Nguyễn Thị Hoa	02/09/1987	Nữ	Kế toán	Trường mầm non A xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì	07n3th	2,46	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
422	Khúc Thị Hồng Phi	13/07/1985	Nữ	Kế toán	Trường mầm non C xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì	14n1th	3,06	06.032	Đại Học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
423	Nguyễn Thanh Huyền	30/10/1979	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Tư Liệt xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì	11n10thg	3,46	06.032	Đại Học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
424	Lê Thị Minh Yến	17/05/1979	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Yên Ngưu xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì	10n6th	3,26	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
425	Hoàng Thị Nguyệt	07/06/1987	Nữ	Kế toán	Trường mầm non A xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì	11n10th	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
426	Lê Thị Lan	22/10/1981	Nữ	Kế toán	Trường mầm non xã Hữu Hòa, Huyện Thanh Trì	11n10th	3,46	06.033	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
427	Vũ Hồng Hạnh	03/11/1984	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Tá Thanh Oai B, Huyện Thanh Trì	11n10th	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
428	Nguyễn Minh Thủy	08/10/1979	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trường Tiểu học Phạm Tu, Huyện Thanh Trì	11n0th	3,03	06a.031	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
429	Đỗ Thị Phương Linh	24/12/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Tân Triều, Huyện Thanh Trì	9n3th	2,66	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
430	Phùng Thị Lan	25/03/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học B Thị Trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì	9n3th	2,66	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
431	Trương Thị Thanh Huyền	14/08/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì	11n11th	2,86	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
432	Hoàng Thu Huyền	15/07/1978	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trường Tiểu học Yên Xá, Huyện Thanh Trì	11n6th	3,03	06a.031	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B	SKKN cấp cơ sở			Tiếng Anh
433	Cao Thị Thủy	27/10/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Triều Khúc, Huyện Thanh Trì	8n8th	2,66	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh

434	Nguyễn Thị Minh Hoa	11/08/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Vũ Lăng, Huyện Thanh Trì	11n11th	3,46	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Tin học văn phòng	Anh A2	SKKN cấp ngành			Tiếng Anh
435	Nguyễn Thị Thanh Phương	31/08/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Liên Ninh, Huyện Thanh Trì	9n10t	2,66	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
436	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	30/09/1992	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tử Hiệp, Huyện Thanh Trì	6n5th	2,46	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
437	Hoàng Thùy Linh	05/12/1987	Nữ	Kế toán	Trường THCS Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì	12n6th	3,06	01.004	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C	X			Tiếng Anh
438	Trần Thị Thu Thảo	07/11/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Liên Ninh, Huyện Thanh Trì	11n11th	3,06	06.032	Đại học, Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
439	Nguyễn Thị Thùy Linh	29/01/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tân Triều, Huyện Thanh Trì	8n8th	2,66	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
440	Nguyễn Thị Thủy	22/11/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì	11n11th	3,46	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	X			Tiếng Anh
441	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/07/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì	06n4th	2,46	06.032	Đại học, Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
442	Đỗ Thị Nhung	25/04/1980	Nữ	Kế toán	TT GD NN-GDTX, Huyện Thanh Trì	2007 (14 năm)	3,26	06.032	ĐH	TC	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
443	Thái Bảo Huỳnh	13/07/1987	Nam	Viên chức	Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện, Huyện Thường Tín	7 năm	2,72	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
444	Nguyễn Thị Quy	16/09/1986	Nữ	Kế toán	MN Chương Dương, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
445	Phan Thu Thủy	17/10/1983	Nữ	Kế toán	MN Dũng Tiến, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
446	Trịnh Thị Trà My	17/08/1987	Nữ	Kế toán	MN Hà Nội, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
447	Lê Thị Huyền Trang	19/03/1987	Nữ	Kế toán	MN Hiền Giang, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
448	Dương Thị Liên	20/01/1988	Nữ	Kế toán	MN Hòa Bình, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
449	Trần Thị Huệ	24/08/1979	Nữ	Kế toán	MN Hồng Vân, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
450	Dương Thị Đua	05/08/1982	Nữ	Kế toán	MN Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín	11 năm 04 tháng (01/3/2010)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
451	Tạ Thị Ngân	20/12/1983	Nữ	Kế toán	MN Quất Động, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
452	Đỗ Thị Thu Thủy	09/04/1986	Nữ	Kế toán	MN Tân Minh, Huyện Thường Tín	11 năm 04 tháng (01/3/2010)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
453	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25/03/1981	Nữ	Kế toán	MN Tiên Phong, Huyện Thường Tín	10 năm 09 tháng (01/10/2010)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh

454	Lê Thị Bích Hạnh	20/06/1985	Nữ	Kế toán	MN Thắng Lợi, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Chứng chỉ Tin học Ứng dụng B	Anh B				Tiếng Anh
455	Nguyễn Thị Ngọc Anh	28/11/1988	Nữ	Kế toán	MN Thống Nhất, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
456	Nguyễn Thị Kiều Liên	26/10/1982	Nữ	Kế toán	MN Tự Nhiên, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
457	Nguyễn Thị Vinh	28/09/1989	Nữ	Kế toán	MN Văn Bình, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
458	Nguyễn Thanh Thảo	09/12/1987	Nữ	Kế toán	MN Vạn Điểm, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
459	Lê Thị Thanh Tâm	31/10/1984	Nữ	Kế toán	MN Văn Phú, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
460	Nguyễn Thị Thu Hương	03/11/1973	Nữ	Kế toán	TH Hà Hồi, Huyện Thường Tín	22 năm 5 tháng (01/02/1999)	4,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
461	Vũ Ngọc Quỳnh Nga	24/06/1987	Nữ	Kế toán	TH Hồng Vân, Huyện Thường Tín	08 năm 11 tháng (01/8/2012)	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
462	Nguyễn Thị Thủy	30/01/1985	Nữ	Kế toán	TH Khánh Hà, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tương đương Anh A2				Tiếng Anh
463	Đoàn Thị Kim Lan	04/11/1981	Nữ	Kế toán	TH Lê Lợi, Huyện Thường Tín	11 năm 05 tháng (01/02/2010)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
464	Nguyễn Thị Huệ	30/05/1983	Nữ	Kế toán	TH Liên Phương, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tương đương Anh A2				Tiếng Anh
465	Trần Thị Huệ	06/03/1986	Nữ	Kế toán	TH Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
466	Nguyễn Thị Hồng Khanh	26/03/1984	Nữ	Kế toán	TH Nghiêm Xuyên, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
467	Nguyễn Thị Hồng Diu	04/09/1979	Nữ	Kế toán	TH Nhị Khê, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
468	Nguyễn Thị Huệ	01/12/1983	Nữ	Kế toán	TH Quất Đông, Huyện Thường Tín	11 năm 10 tháng (01/9/2009)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
469	Nguyễn Thị Tuyết Mai	09/12/1987	Nữ	Kế toán	TH Thắng Lợi, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
470	Lê Thị Phương	26/11/1988	Nữ	Kế toán	TH Thống Nhất, Huyện Thường Tín	08 năm 03 tháng (15/4/2013)	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

471	Lê Thị Hậu	20/05/1986	Nữ	Kế toán	TH Tiền Phong, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
472	Hoàng Thị Hồng Liên	29/08/1982	Nữ	Tài chính -Kế toán	TH Tô Hiệu, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Tài chính - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
473	Đặng Thị Ngọc Lan	22/09/1989	Nữ	Kế toán	TH Tự Nhiên, Huyện Thường Tín	09 năm 03 tháng (01/4/2012)	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tương đương Anh A2				Tiếng Anh
474	Hoàng Thị Mai Trang	29/07/1981	Nữ	Kế toán	TH Vạn Điểm, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
475	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	04/06/1982	Nữ	Kế toán	TH Văn Phú, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
476	Nguyễn Thị Hà	25/08/1975	Nữ	Kế toán	TH Văn Tảo , Huyện Thường Tín	22 năm 6 tháng (giữ ngạch ngắt quãng)	4.06 +vượt khung 6&	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
477	Nguyễn Thị Ly	22/10/1984	Nữ	Kế toán	TH Văn Tự, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
478	Lê Thu Thủy	20/05/1971	Nữ	Kế toán	THCS Duyên Thái, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tương đương Anh B1				Tiếng Anh
479	Phạm Thị Thu Hằng	19/08/1987	Nữ	Kế toán	THCS Hòa Bình, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh C	x			Tiếng Anh
480	Nguyễn Thị Thanh Hà	20/05/1981	Nữ	Kế toán	THCS Hồng Vân, Huyện Thường Tín	06 năm 03 tháng (01/4/2015)	2,46	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
481	Dương Thị Ánh Nguyệt	31/08/1989	Nữ	Kế toán	THCS Khánh Hà, Huyện Thường Tín	09 năm 03 tháng (01/4/2012)	2,66	06.032	Đại học ngành Kế toán, Thạc sỹ QLKT		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
482	Đào Thị San	10/05/1986	Nữ	Kế toán	THCS Lê Lợi, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
483	Trịnh Thị Hoa	01/09/1981	Nữ	Kế toán	THCS Minh Cường, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
484	Phạm Thị Nhị Hương	09/07/1986	Nữ	Kế toán	THCS Nguyễn Trãi, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
485	Tạ Thị Hiền	12/02/1972	Nữ	Kế toán	THCS Ninh Sở, Huyện Thường Tín	23 năm (01/7/1998)	4,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
486	Hà Thị Thoa	04/08/1984	Nữ	Kế toán	THCS Tân Minh, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh

487	Phùng Thị Hằng	17/07/1981	Nữ	Kế toán	THCS Thăng Lợi, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
488	Đỗ Thị Thu Thủy	31/05/1990	Nữ	Kế toán	THCS Tự Nhiên, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
489	Trịnh Thị Hoàng Lan	31/10/1984	Nữ	Kế toán	THCS Văn Bình, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
490	Trần Thị Hương	30/03/1982	Nữ	Kế toán	THCS Vạn Điểm, Huyện Thường Tín	10 năm 03 tháng (01/4/2011)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
491	Lê Thị Thủy Hòa	01/02/1984	Nữ	Kế toán	THCS Văn Phú, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	2,86	06.032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
492	Vũ Thanh Hoa	22/08/1986	Nữ	Kế toán	THCS Văn Tự, Huyện Thường Tín	12 năm 05 tháng (01/02/2009)	3,06	06.032	Đại học ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Chứng nhận chuẩn đầu ra Tin học B	Anh C				Tiếng Anh
493	Nguyễn Thị Huệ	24/01/1987	Nữ	Kế toán	MN Đại Yên, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
494	Nguyễn Thị Thúy	25/01/1984	Nữ	Kế toán	MN Đồng Phú, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
495	Trịnh Thị Xuyên	02/05/1989	Nữ	Kế toán	MN Đồng Phương Yên, Huyện Chương Mỹ	10N7Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
496	Phạm Thị Châm	07/10/1980	Nữ	Kế toán	MN Đồng Sơn, Huyện Chương Mỹ	10N6Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
497	Đặng Thị Thủy	05/07/1987	Nữ	Kế toán	MN Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
498	Lê Thị Ngoan	15/09/1984	Nữ	Kế toán	MN Hữu Văn, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
499	Nguyễn Tiến An	02/06/1971	Nam	Kế toán	MN Mỹ Lương, Huyện Chương Mỹ	24N10Th	4,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
500	Trịnh Thị Hương	17/03/1986	Nữ	Kế toán	MN Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ	06N3Th	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
501	Hoàng Thị Loan	25/05/1987	Nữ	Kế toán	MN Ngọc Hòa, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
502	Hoàng Thị Sen	02/11/1980	Nữ	Kế toán	MN Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
503	Vũ Thị Trang	07/02/1974	Nữ	Kế toán	MN Phùng Châu, Huyện Chương Mỹ	15N	3,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
504	Cao Thị Ngọc	07/11/1989	Nữ	Kế toán	MN Quảng Bi, Huyện Chương Mỹ	10N7Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

505	Đinh Thị Tươi	01/05/1983	Nữ	Kế toán	MN Thanh Bình, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
506	Nguyễn Thị Tuyền	14/04/1987	Nữ	Kế toán	MN Thương Vực, Huyện Chương Mỹ	10N6Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
507	Vũ Thị Sen	17/04/1986	Nữ	Kế toán	MN Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
508	Nguyễn Thị Lan Phương	23/06/1986	Nữ	Kế toán	MN Tốt Động, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
509	Bùi Xuân Mai	11/12/1986	Nữ	Kế toán	MN Trung Hòa, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
510	Đỗ Thị Huế	04/12/1987	Nữ	Kế toán	TH Đồng Lạc, Huyện Chương Mỹ	13N	3,34	06a.031	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
511	Trần Thị Sen	02/10/1988	Nữ	Kế toán	TH Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,66	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh-B				Tiếng Anh
512	Dương Thị Quyền	10/07/1975	Nữ	Kế toán	TH Lam Điền, Huyện Chương Mỹ	13N9T	3,12	06.035	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh-B				Tiếng Anh
513	Nguyễn Thị Trang	15/04/1984	Nữ	Kế toán	TH Thương Vực, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
514	Vũ Thị Thủy	06/10/1984	Nữ	Kế toán	TH Tiên Phương, Huyện Chương Mỹ	12N	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
515	Nguyễn Thị Muộn	15/01/1983	Nữ	Kế toán	TH Tốt Động, Huyện Chương Mỹ	12N11Th	3,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
516	Nguyễn Hải Anh	06/06/1985	Nữ	Kế toán	TH Trần Phú A, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	3,26	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
517	Kiều Kim Hơi	03/04/1971	Nữ	Kế toán	TH Trần Phú B, Huyện Chương Mỹ	28N2Th	3,33	06.035	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
518	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/07/1984	Nữ	Kế toán	TH Thụy Hương, Huyện Chương Mỹ	10 N 1Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
519	Đinh Công Đồng	18/08/1983	Nam	Kế toán	THCS Hồng Phong, Huyện Chương Mỹ	10N6Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
520	Nguyễn Thị Thủy	27/09/1989	Nữ	Kế toán	THCS Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ	6N9Th	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
521	Khuất Thị Thu Vui	13/04/1986	Nữ	Kế toán	THCS Hữu Văn, Huyện Chương Mỹ	11N4Th	2,86	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Đại học CNTT	Anh B		x		Tiếng Anh
522	Đỗ Năng Dũng	29/12/1976	Nam	Kế toán	THCS Mỹ Lương, Huyện Chương Mỹ	9N5Th	3,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
523	Nguyễn Thị Luyện	16/02/1985	Nữ	Kế toán	THCS Phùng Châu, Huyện Chương Mỹ	06N4Th	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

524	Trịnh Thị Hoa	01/10/1980	Nữ	Kế toán	THCS Tân Tiến, Huyện Chương Mỹ	13N6Th	3,06	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
525	Nguyễn Thị Trang	21/03/1990	Nữ	Kế toán	THCS Thanh Bình, Huyện Chương Mỹ	6N3Th	2,46	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
526	Dương Thị Thuý	31/10/1972	Nữ	Kế toán	THCS TT Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ	28N2Th	4,06 (VK 8%)	06.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
527	Nguyễn Thị Chuẩn	13/02/1988	Nữ	Kế toán	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, Huyện Chương Mỹ	9N5Th	2,66	6.032	Đại học, ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh
528	Lê Thị Xuân	12/08/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Trường Yên, Huyện Chương Mỹ	10N 1TH	2,86	6.032	Đại học, ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
529	Lê Thị Hào	11/05/1992	Nữ	Kế toán	Trường THCS Hoàng Diệu, Huyện Chương Mỹ	6N3Th	2,46	6.032	Đại học, ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
530	Nguyễn Thị Tinh	03/06/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Hoàng Văn Thụ, Huyện Chương Mỹ	10N1Th	2,86	6.032	Đại học, ngành Kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
531	Nguyễn Thùy Linh	18/12/1993	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Viện KHCN và kinh tế xây dựng Hà Nội, Sở Xây dựng	4 năm 7 tháng	2,41	06a.031	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Đại học NN			x	
532	Phạm Thị Thuận	08/12/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MG Chim Non, Quận Hai Bà Trưng	11N10T	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
533	Nguyễn Thị Hiền	19/03/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MG Sao Sáng, Quận Hai Bà Trưng	11N6T	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
534	Nguyễn Thị Thanh Thủy	02/05/1988	Nữ	Kế toán viên TC	MG Nguyễn Công Trứ, Quận Hai Bà Trưng	10N7T	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
535	Hoàng Thị Thu Hiền	13/12/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Anh Sao, Quận Hai Bà Trưng	11N6T	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
536	Lê Thu Phương	22/08/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Lạc Trung, Quận Hai Bà Trưng	12N	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
537	Nguyễn Tô Uyên	05/01/1983	Nữ	Kế toán viên TC	MN Hoa Thủy Tiên, Quận Hai Bà Trưng	10N7T	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
538	Nguyễn Kim Dung	25/05/1979	Nữ	Kế toán viên TC	MN Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng	12N	3,06	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
539	Vũ Quỳnh Hoa	31/03/1979	Nữ	Kế toán viên TC	MN Nguyễn Công Trứ, Quận Hai Bà Trưng	11N6T	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
540	Trần Thị Huyền Duyên	15/07/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MMN 8- 3, Quận Hai Bà Trưng	11N6T	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
541	Lưu Thị Hồng Thảo	07/06/1978	Nữ	Kế toán viên TC	MN Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng	11N	2,86	06.032	CĐ		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
542	Lê Thu Trang	05/07/1983	Nữ	Kế toán	MG Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng	12N11T	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ A	Anh B				Tiếng Anh
543	Lương Thị Thu Hằng	16/07/1978	Nữ	Kế toán viên TC	MN Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng	10N6T	3,46	06.032	ĐH	TC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
544	Đoàn Thị Nhung	01/07/1981	Nữ	Kế toán viên TC	MN Ngô Thi Nhâm, Quận Hai Bà Trưng	11N6T	3,06	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
545	Tô Thị Thủy Linh	01/12/1979	Nữ	Kế toán viên TC	MN Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng	7N	3,46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	CC B	Anh C				Tiếng Anh
546	Nguyễn Thị Thanh Mai	18/10/1986	Nữ	Kế toán viên TC	THCS Hà Huy Tập, Quận Hai Bà Trưng	12 năm 11 tháng	3	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	CCB	Anh B				Tiếng anh

547	Nguyễn Thị Hường	18/10/1987	Nữ	Kế toán viên TC	MN Hoa Hồng, Quận Hai Bà Trưng	11N5T	2.86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
548	Tổng Thị Huyền	10/10/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng	12 năm	2.86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2	x			Tiếng Anh
549	Nguyễn Thị Lan Phương	20/03/1981	Nữ	Kế toán	TH Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng	14N0T	3.34	06.032	ĐH	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh C				Tiếng Anh
550	Tào Thị Hồng Quý	03/05/1983	Nữ	Kế toán	TH Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng	4N4T	3.06	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ĐH CNTT	Anh B1		x		Tiếng Anh
551	Lê Kim Phượng	06/08/1968	Nữ	Kế toán	TH Lê Văn Tám, Quận Hai Bà Trưng	26N	4.06+VK 12%	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh B		x	x	
552	Lê Thu Hương	11/09/1979	Nữ	Kế toán	TH Tây Sơn, Quận Hai Bà Trưng	12N	3.46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh A2				Tiếng Anh
553	Lê Thị Thanh Nga	13/10/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	TH Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng	10 năm 8 tháng	2.86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp nghề	Anh B				Tiếng Anh
554	Phạm Thị Thanh Hoa	03/12/1979	Nữ	Kế toán viên TC	THCS Ngô Gia Tự, Quận Hai Bà Trưng	7N2T	2.46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh C		x		Tiếng Anh
555	Nguyễn Thu Thảo	24/02/1990	Nữ	Kế toán viên TC	THCS Lương Yên, Quận Hai Bà Trưng	7N2T	2.46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
556	Lê Thị Phương	16/04/1967	Nữ	Kế toán viên TC	THCS Đoàn Kết, Quận Hai Bà Trưng	29N	4.06+VK 9%	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh B		x	x	
557	Đinh Thị Thanh Tâm	04/05/1981	Nữ	Văn thư kiêm Thủ quỹ	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao quận Nam Từ Liêm, Quận Nam Từ Liêm	11 năm 02 tháng	3.12	06.035	Cử nhân Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh B	Không			Tiếng Anh
558	Nguyễn Thị Hường	04/02/1981	Nữ	Kế toán	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao Gia Lâm, Huyện Gia Lâm	11 năm	2.86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
559	Nguyễn Thị Giang	20/08/1980	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Phù Đổng, Huyện Gia Lâm	11n4th	2.86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
560	Đàm Thị Mai Hương	16/10/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Bát Trảng, Huyện Gia Lâm	12 năm	2.86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh B				Tiếng Anh
561	Đoàn Thị Mai Anh	21/01/1983	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Cổ Bi, Huyện Gia Lâm	14n1th	3.26	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh
562	Đỗ Thị Hồng Hải	05/06/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN TT Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm	12 năm	2.86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh
563	Vũ Thị Bích Lợi	25/01/1981	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm	12 năm	3.26	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ A	Anh C				Tiếng Anh
564	Phạm Thị Hát	12/02/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Dương Xá, Huyện Gia Lâm	12n10th	3.06	06.032	ĐH	TC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
565	Hoàng Xuân Nữ	24/11/1979	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Hoa Sứ, Huyện Gia Lâm	11n11th	2.86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh C				Tiếng Anh
566	Vũ Thị Thoa	02/11/1983	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Kim Sơn, Huyện Gia Lâm	11n11th	2.86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTT	Anh C				Tiếng Anh

567	Ta Thị Thanh Hiền	05/01/1974	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm	12 năm	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
568	Vũ Thị Lợi	20/03/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Phú Thị, Huyện Gia Lâm	10n7th	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
569	Nguyễn Thị Khuyên	25/06/1978	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Dương Hà, Huyện Gia Lâm	19n4th	3,26	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
570	Bùi Thị Hồng Thắm	10/09/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường MN Đặng Xá, Huyện Gia Lâm	14n1th	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh
571	Nguyễn Đức Trung	12/04/1990	Nam	Nhân viên kế toán	Trường TH Cao Bá Quát, Huyện Gia Lâm	6n10th	2,46	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
572	Nguyễn Thị Dịu	14/02/1984	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Cổ Bi, Huyện Gia Lâm	9n8th	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
573	Phạm Thị Mơ	26/12/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Kiều Ky, Huyện Gia Lâm	11n6th	2,86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
574	Nguyễn Thị Thúy	31/08/1983	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm	9n6t	2,86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
575	Nguyễn Thị Thanh Tâm	05/04/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Phú Đồng, Huyện Gia Lâm	12n2th	3,06	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
576	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/02/1983	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Trung Thành, Huyện Gia Lâm	6n10th	2,46	060.32	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
577	Trần Thị Nam	14/10/1984	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Văn Đức, Huyện Gia Lâm	11n11th	2.86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh
578	Đặng Thị Phương	16/06/1986	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường TH Yên Viên, Huyện Gia Lâm	6n11th	2,46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh B				Tiếng Anh
579	Phùng Mạnh Cường	25/05/1973	Nam	Nhân viên kế toán	Trường TH Lê Chi, Huyện Gia Lâm	27n9th	4,06	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
580	Nguyễn Hồng Nghĩa	28/10/1977	Nam	Nhân viên kế toán	Trường TH TT Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm	12n01th	3,26	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
581	Nguyễn Thanh Phương	30/11/1982	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Đặng Xá, Huyện Gia Lâm	11n11T	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
582	Nguyễn Thị Lan Anh	02/08/1984	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Đình Xuyên, Huyện Gia Lâm	12 năm	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
583	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/10/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Đông Dư, Huyện Gia Lâm	9n8th	2,66	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
584	Bùi Thị Thu Ngân	25/08/1973	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Dương Xá, Huyện Gia Lâm	28 năm	4,06x7%	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh
585	Thắm Thị Thoa	28/10/1979	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Phú Thị, Huyện Gia Lâm	6n1th	2,66	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
586	Đặng Thị Dung	03/02/1983	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Văn Đức, Huyện Gia Lâm	4n11th	2,46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
587	Đỗ Văn Anh	25/07/1983	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Yên Viên, Huyện Gia Lâm	12 năm	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
588	Dương Thị Nguyệt	16/08/1970	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Cao Bá Quát, Huyện Gia Lâm	16 năm	3,26	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
589	Nguyễn Thị Hải	22/10/1985	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Kim Lan, Huyện Gia Lâm	11n11th	2,86	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh B		x		Tiếng Anh
590	Đoàn Văn Thụy	08/06/1976	Nam	Nhân viên kế toán	Trường THCS Dương Quang, Huyện Gia Lâm	17n	3,46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
591	Bùi Minh Thanh	19/05/1977	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm GDNN-GDTX, Huyện Mê Linh	10 năm 6 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

592	Đỗ Thị Hằng	20/09/1991	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm GDDN-GDTX, Huyện Mê Linh	6 năm 5 tháng	2,41	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
593	Ngô Thị Hằng Xuân	13/09/1991	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Ban QLDT Đền thờ Hai Bà Trưng, Huyện Mê Linh	6 năm 5 tháng	2,41	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B1				Tiếng Anh
594	Tạ Tuấn Tài	29/09/1988	Nam	Kế toán viên cao đẳng	Trung tâm Văn hóa TT&TT, Huyện Mê Linh	6 năm 5 tháng	3,03	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
595	Đoàn Thị Phương	14/07/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Ban QLDA đầu tư xây dựng, Huyện Mê Linh	8 năm	2,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
596	Trần Thị Kiều Anh	13/03/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Mê Linh	8 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
597	La Thị Minh	09/12/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Phạm Hồng Thái, Huyện Mê Linh	13 năm	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
598	Nguyễn Thị Hường	10/02/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Chu Phan, Huyện Mê Linh	12 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
599	Trần Thị Thu Hường	20/10/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Trung Vương, Huyện Mê Linh	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
600	Lê Văn Dân	02/12/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Vạn Yên, Huyện Mê Linh	15 năm 2 tháng	3,26	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
601	Trần Thị Vĩnh Thùy	22/03/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tiễn Phong, Huyện Mê Linh	10 năm	3,26	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
602	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/10/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Thanh Lâm B, Huyện Mê Linh	17 năm	3,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
603	Lỗ Thị Thúy	18/05/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Mê Linh, Huyện Mê Linh	12 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
604	Lê Thị Lý	08/05/1980	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trường TH Hoàng Kim, Huyện Mê Linh	11 năm 6 tháng	3,03	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
605	Dương Thị Kim Lê	08/09/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Thạch Đà A, Huyện Mê Linh	11 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
606	Vũ Văn Phần	20/01/1973	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trường TH Tiễn Thịnh, Huyện Mê Linh	11 năm 05 tháng	4,27	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
607	Tạ Thị Hạnh	16/02/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Liên Mạc A, Huyện Mê Linh	10 năm	2,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
608	Nguyễn Thị Phương	23/08/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Quang Minh A, Huyện Mê Linh	11 năm 6 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
609	Hồ Thị Thu Hà	19/05/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Tiễn Thắng A, Huyện Mê Linh	11 năm 7 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
610	Nguyễn Thị Nhung	06/04/1978	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Tráng Việt B, Huyện Mê Linh	11 năm	3,26	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
611	Nguyễn Thị Thanh Hiền	29/02/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Chu Phan, Huyện Mê Linh	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Tiếng Anh B				Tiếng Anh

612	Trần Thị Ngọc Nhân	07/06/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Thạch Đà A, Huyện Mê Linh	13 năm	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
613	Nguyễn Thị Thu	20/01/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Liên Mạc, Huyện Mê Linh	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
614	Trần Thị Thu	30/10/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Tiến Thắng, Huyện Mê Linh	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
615	Nguyễn Thị Dương	20/04/1987	Nữ	Kế toán viên cao đẳng	Trường MN Thanh Lâm A, Huyện Mê Linh	09 năm 6 tháng	3,03	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
616	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/08/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Chi Đông, Huyện Mê Linh	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh B				Tiếng Anh
617	Hoàng Thị Chuyên	25/06/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Thạch Đà B, Huyện Mê Linh	10 năm	2,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
618	Trần Thị Bích Huệ	07/11/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Mê Linh, Huyện Mê Linh	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Tiếng Anh A2				Tiếng Anh
619	Bùi Thị Kiều Hưng	11/09/1984	Nữ	Kế toán	Trung tâm Phát triển quỹ đất, Huyện Sóc Sơn	11 năm	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
620	Đỗ Thị Quyết	01/03/1983	Nữ	Kế toán	Trường TH Bắc Sơn A, Huyện Sóc Sơn	9 năm 8 tháng	2,66	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ A	B				Tiếng Anh
621	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/01/1979	Nữ	Kế toán	THCS Tân Minh A, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	3,66	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
622	Nguyễn Quỳnh Thư	03/07/1982	Nữ	Kế toán	Trường THCS Việt Long, Huyện Sóc Sơn	07 năm 04 tháng	2,46	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
623	Nguyễn Thị Hoan	08/09/1979	Nữ	Kế toán	Trường THCS Xuân Giang, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ A	B				Tiếng Anh
624	Đỗ Thị Thanh Phương	20/09/1984	Nữ	Kế toán	Trường MN Đông Xuân, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
625	Nguyễn Thị Xuân	08/01/1985	Nữ	Kế toán	Trường TH Phú Minh, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	A2				Tiếng Anh
626	Trần Thị Kim Ngân	05/06/1989	Nữ	Kế toán	Trường TH Tân Dân A, Huyện Sóc Sơn	7 năm 8 tháng	2,46	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
627	Đỗ Thị Minh	26/12/1979	Nữ	Kế toán	Trường TH Thanh Xuân A, Huyện Sóc Sơn		2,66	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	ĐHSP NN			x	
628	Trịnh Thị Thu Hương	18/11/1989	Nữ	Kế toán	THCS Nguyễn Du, Huyện Sóc Sơn	8 năm	2,46	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	C				Tiếng Anh
629	Đỗ Việt Hà	21/06/1984	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Nam Sơn, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
630	Nguyễn Thị Vinh	09/11/1983	Nữ	Kế toán	Trường THCS Mai Đình, Huyện Sóc Sơn	7 năm 2 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	A				Tiếng Anh
631	Nguyễn Thị Lan Anh	12/01/1981	Nữ	Kế toán	Trường TH Tiên Dược A, Huyện Sóc Sơn	7 năm 8 tháng	2,46	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
632	Nguyễn Thị Minh Hôi	28/09/1982	Nữ	Kế toán	TT GDNN-GDTX, Huyện Sóc Sơn	8 năm	2,66	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	A2				Tiếng Anh
633	Lương Thị Hiền	18/07/1971	Nữ	Kế toán	Trường MN Thị trấn, Huyện Sóc Sơn	26 năm	3,48 VK 5%	06.035	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
634	Nguyễn Thị Hiền	12/10/1984	Nữ	Kế toán	Trường THCS Phú Minh, Huyện Sóc Sơn	10 năm 06 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	C				Tiếng Anh
635	Nguyễn Thị Huyền	01/06/1983	Nữ	kế toán	Trường MN Phú Cường A, Huyện Sóc Sơn	9 năm 7 tháng	3,03	06a.031	Cử nhân kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh

636	Đỗ Thị Thanh Lan	01/03/1986	Nữ	Kế toán	Trường TH Quang Tiến, Huyện Sóc Sơn	6 năm 10 tháng	2,46	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
637	Nguyễn Thị Uy	11/10/1988	Nữ	Kế toán	Trường MN Tiên Dược B, Huyện Sóc Sơn	9 năm 2 tháng	2,66	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
638	Nghiêm Thu Trang	16/02/1982	Nữ	Kế toán	Trường MN Tiên Dược C, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
639	Vương Thị Vinh	16/09/1972	Nữ	Kế toán	Trường TH Tân Dân B, Huyện Sóc Sơn	20 năm 1 tháng	4,06	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
640	Nguyễn Thị Thơ	21/04/1973	Nữ	Kế toán	Trường TH Hiền Ninh, Huyện Sóc Sơn	23 năm 4 tháng	4,06	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	A2				Tiếng Anh
641	Bùi Thị Hiền	18/02/1984	Nữ	Kế toán	Trường MN Phú Cường B, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06,032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh- B				Tiếng Anh
642	Nguyễn Đức Thúy	20/11/1968	Nam	Kế toán	Trường TH Xuân Thu , Huyện Sóc Sơn	23 năm	4,06	06.032	ĐH kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
643	Ngô Sỹ Ca	11/07/1964	Nam	Kế toán	Trường TH Đông Xuân, Huyện Sóc Sơn	25 năm	4,06	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
644	Hoàng Thị Doan	12/06/1986	Nữ	Kế toán	Trường THCS Xuân Thu, Huyện Sóc Sơn	11 năm 6 tháng	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	C				Tiếng Anh
645	Trần Thị Hương	30/03/1981	Nữ	Kế toán	MN Hiền Ninh, Huyện Sóc Sơn	2/1/2010	2,86	06.032	ĐH kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
646	Nguyễn Tiến Chức	16/06/1967	Nam	Kế toán	Trường TH Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn	18 năm	4,06 VK13%	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	B				Tiếng Anh
647	Vương Thị Bẩy	05/09/1982	Nữ	Kế toán	THCS Minh Phú, Huyện Sóc Sơn	6 năm 10 tháng	2,46	06,032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
648	Nguyễn Thị Dung	01/02/1985	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn	01/08/2009	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	C				Tiếng Anh
649	Trần Thị Hương	28/12/1977	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường THCS Đức Hòa, Huyện Sóc Sơn	12 năm 3 tháng	3,66	06,032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	B				Tiếng Anh
650	Ngô Thị Chung Thu	27/07/1984	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường mầm non Mai Đình B, Huyện Sóc Sơn	11 năm 11 tháng	2,86	06,032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh- B				Tiếng Anh
651	Bùi Thị Lan	27/07/1980	Nữ	Nhân viên kế toán	Trường mầm non Đức Hòa, Huyện Sóc Sơn		2,86	06,032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	A2				Tiếng Anh
652	Trần Đức Hà	09/09/1965	Nam	Nhân viên kế toán	Trung tâm GDNN - GDTX, Huyện Sóc Sơn	18 năm 7 tháng	4,06	06,032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ A	B				Tiếng Anh
653	Trần Tuấn Anh	30/10/1985	Nam	Phó Giám đốc	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội huyện Mỹ Đức, Sở Tài nguyên và Môi trường	8 năm	2,72	06a.031	Cử nhân Kế toán	Cao cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
654	Nguyễn Thị Ngọc	11/10/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội quận Long Biên, Sở Tài nguyên và Môi trường	12 năm	2,86	06.032	Cử nhân Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
655	Tô Anh Hồng	29/07/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường	10 năm	2,86	06.032	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	C				Tiếng Anh
656	Nguyễn Thủy Linh	07/04/1987	Nữ	Kế toán	Trường MN Chu Văn An, Quận Tây Hồ	9N3T	2,66	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	A2				Tiếng Anh
657	Lê Diệu Hồng	05/11/1987	Nữ	Kế toán	Trường MN Nhật Tân, Quận Tây Hồ	7N1T	2,46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	C				Tiếng Anh

658	Nguyễn Thị Hải Yến	13/03/1984	Nữ	Kế toán	Trường MN Tây Hồ, Quận Tây Hồ	12N	3,26	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B				Tiếng Anh
659	Nguyễn Chiên Thắng	25/12/1972	Nam	Kế toán	Trường Tiểu học An Dương, Quận Tây Hồ	28N2T	4.06 + 9%	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	A2				Tiếng Anh
660	Nguyễn Thị Thanh Hằng	11/05/1967	Nữ	Kế toán	Trường THCS Xuân La, Quận Tây Hồ	12N	3,46	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	A		x	x	
661	Lê Thủy Hồng	30/07/1967	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Phú Thượng, Quận Tây Hồ	16N5T	4.06 + 8%	06.032	ĐH		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	B		x	x	
662	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/10/1987	Nữ	Kế toán	Trường TH Chu Văn An, Quận Tây Hồ	3N4T	2,86	06.032	ĐH	SC	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	A2				Tiếng Anh
663	Đỗ Thị Bích Lan	07/01/1978	Nữ	Kế toán	MN Cổ Loa, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
664	Trịnh Thị Hằng	10/05/1983	Nữ	Kế toán	MN Dục Tú, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
665	Trần Thị Lan	04/05/1985	Nữ	Kế toán	MN Đại Mạch, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại Học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
666	Lê Thị Thúy Hà	28/06/1985	Nữ	Kế toán	MN Hải Bối, Huyện Đông Anh	07N 3th	06.032	2,46	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
667	Hoàng Thị Huyền	15/10/1987	Nữ	Kế toán	MN Hoa Mai, Huyện Đông Anh	09N 8th	06.032	2,86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
668	Ngô Sơn Hà	10/10/1982	Nam	Kế toán	MN Hoa sữa, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,46	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
669	Phạm Thị Hồng Phượng	08/07/1983	Nữ	Kế toán	MN Kim chung, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
670	Lê Thị Quỳnh Linh	22/11/1989	Nữ	Kế toán	MN Kim Chung A, Huyện Đông Anh	07N 3th	06.032		Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
671	Nguyễn Thị Hồng Bích	23/05/1983	Nữ	Kế toán	MN Kim Nỗ, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
672	Nguyễn Thị Hương	31/01/1983	Nữ	Kế toán	MN Mai Lâm, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
673	Nguyễn Minh Phương	07/09/1988	Nữ	Kế toán	MN Nắng Hồng, Huyện Đông Anh	06N 4th	06.032	2,46	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh A2		x		Tiếng Anh
674	Nguyễn Minh Hằng	09/09/1983	Nữ	Kế toán	MN Nguyên Khê, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
675	Nguyễn Thị Thu Phương	16/09/1983	Nữ	Kế toán	MN Tiên Dương, Huyện Đông Anh	08N 8th	06.032	2,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Đại học CNTT	Anh A2		x		Tiếng Anh
676	Dương Thị Nhung	23/04/1982	Nữ	Kế toán	MN Tuổi Thơ, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
677	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/10/1983	Nữ	Kế toán	MN Thụy Lâm, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
678	Nguyễn Thị Nga	22/09/1977	Nữ	Kế toán	MN Uy Nỗ, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
679	Nguyễn Thị Kim Dung	11/07/1982	Nữ	Kế toán	MN Văn Hà, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh

680	Vương Thị Lan	14/01/1976	Nữ	Kế toán	MN Việt Hùng, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3.26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
681	Vân Thị Phương	27/09/1982	Nữ	Kế toán	MN Vông La, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3.26	Đại Học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
682	Nguyễn Hồng Vân	04/08/1983	Nữ	Kế toán	MN Xuân Canh, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
683	Nguyễn Minh Tâm	12/09/1981	Nữ	Kế toán	MN Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh	10N7th	06.032	3.66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
684	Nguyễn Đức Đồng	04/03/1985	Nam	Kế toán	TH An Dương Vương, Huyện Đông Anh	10N7th	06032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
685	Tô Thị Thủy	01/01/1982	Nữ	Kế toán	TH Bắc Hồng, Huyện Đông Anh	11N 11th	06032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
686	Nguyễn Văn Nam	13/03/1970	Nam	Kế toán	TH Đại Mạch, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3.46	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
687	Lê Tuyết Mai	24/12/1973	Nữ	Kế toán	TH Hải Bối, Huyện Đông Anh	27N 8th	06032	4,06 VK 7%	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
688	Đỗ Thị Hồng Lan	16/07/1984	Nữ	Kế toán	TH Liên Hà, Huyện Đông Anh	11N 3th	06.032	2,86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
689	Dương Thị Minh Phương	05/05/1981	Nữ	Kế toán	TH Nam Hồng, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3.06	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
690	Trần Thị Yến	06/11/1978	Nữ	Kế toán	TH Ngô Tất Tố, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
691	Nguyễn Thị Thu Hà	27/11/1985	Nữ	Kế toán	TH Tô Thị Hiền, Huyện Đông Anh	09N 8th	06.032	2,86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
692	Nguyễn Thị Vũ Phương	15/11/1981	Nữ	Kế toán	TH Uy Nỗ, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3.66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
693	Đào Thị Hiền Anh	27/09/1985	Nữ	Kế toán	TH Văn Hà, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3.06	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
694	Phạm Thị Nguyễn Anh	24/11/1983	Nữ	Kế toán	TH Văn Nội, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
695	Nguyễn Thị Mai Hằng	01/03/1985	Nữ	Kế toán	THCS Bắc Hồng, Huyện Đông Anh	11N 11th	06032	2,86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
696	Lê Huyền Trang	07/07/1990	Nữ	Kế toán	THCS Hải Bối, Huyện Đông Anh	08N 3th	06032	2,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
697	Trần Thị Ngọc Bích	30/12/1988	Nữ	Kế toán	THCS Kim Chung, Huyện Đông Anh	10N 1th	06.032	2.86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
698	Nguyễn Thị Lan Anh	06/07/1981	Nữ	Kế toán	THCS Liên Hà, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
699	Nguyễn Thị Xinh	19/02/1984	Nữ	Kế toán	THCS Mai Lâm, Huyện Đông Anh	08N 8th	06.032	2,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
700	Hoàng Thu Phương	04/08/1982	Nữ	Kế toán	THCS Nam Hồng, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
701	Hoàng Thị Thu Trang	21/06/1984	Nữ	Kế toán	THCS Ngô Quyền, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
702	Trí Thị Hương	25/10/1980	Nữ	Kế toán	THCS Nguyễn Khê, Huyện Đông Anh	09N 8th	06.032	2,86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
703	Trần Thị Hạnh	15/07/1985	Nữ	Kế toán	THCS Tiên Dương, Huyện Đông Anh	07N 3th	06.032	2.46	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
704	Nguyễn Thị Kim Tuyền	05/12/1985	Nữ	Kế toán	THCS Thụy Lâm, Huyện Đông Anh	08N 3th	06.032	2,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
705	Nguyễn Thị Bích Hòa	10/09/1987	Nữ	Kế toán	THCS Văn Hà, Huyện Đông Anh	10N 7th	06.032	2,86	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh

706	Nguyễn Thanh Thủy	13/09/1980	Nữ	Kế toán	THCS Xuân Nộn, Huyện Đông Anh	09N 8th	06.032	3,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
707	Chu Thị Yền	20/10/1982	Nữ	Kế toán	Trung tâm GD NN - GD TX Đông Anh, Huyện Đông Anh	11N 11th	06.032	3,26	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
708	Ngô Huyền Trang	02/09/1986	Nữ	Kế toán	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Huyện Đông Anh	08N 6th	06.032	2,66	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
709	Hồ Đình Minh	05/07/1988	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm, Sở Giáo dục và Đào tạo	11N 11th	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
710	Nguyễn Thị Trang	20/09/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Bắc Thăng Long, Sở Giáo dục và Đào tạo	10N 7th	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	ĐH ngoại ngữ			x	
711	Lê Trọng Tú	12/12/1981	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Chương Mỹ B, Sở Giáo dục và Đào tạo	6N 10th	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
712	Nguyễn Thị Thu Hà	05/02/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Hợp Thanh, Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
713	Nguyễn Thị Ngân	18/11/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Ngọc Tảo, Sở Giáo dục và Đào tạo	10N 6th	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
714	Lý Minh Việt	06/01/1970	Nam	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai, Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
715	Hoàng Phương Thảo	12/11/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Phúc Thọ, Sở Giáo dục và Đào tạo	12N 11th	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh A2				Tiếng Anh
716	Cần Thị Ninh	19/10/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Phùng Khắc Khoan - Thạch Thất, Sở Giáo dục và Đào tạo	13 năm	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
717	Ngô Lệ Thủy	19/08/1989	Nữ	Kế toán viên Cao đẳng	Trường THPT Quảng Oai, Sở Giáo dục và Đào tạo	9N 3th	2,72	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
718	Mai Phúc Hạnh	22/12/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Sóc Sơn, Sở Giáo dục và Đào tạo	8N 5th	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	ĐH ngoại ngữ			x	
719	Vũ Hương Giang	20/11/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Tiên Phong, Sở Giáo dục và Đào tạo	10 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh B	x			Tiếng Anh
720	Hồ Thị Thu Hương	04/06/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Tiên Thịnh, Sở Giáo dục và Đào tạo	10N 6th	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh C	x			Tiếng Anh
721	Dư Thị Hồng	13/11/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Trần Đăng Ninh, Sở Giáo dục và Đào tạo	8N 7th	2,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
722	Nguyễn Thị Bích Liên	21/08/1974	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Trần Phú - HK, Sở Giáo dục và Đào tạo	8N 6th	2,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	ĐH ngoại ngữ			x	
723	Trần Thị Văn Anh	20/06/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Trung Giã, Sở Giáo dục và Đào tạo	10N 6th	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
724	Trương Thị Nguyệt Nga	20/03/1978	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Trung Văn, Sở Giáo dục và Đào tạo	11N 2th	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
725	Tạ Thanh Hoàng	21/09/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Ứng Hòa B, Sở Giáo dục và Đào tạo	8N 7th	2,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
726	Vũ Thị Nguyệt	20/03/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Yên Viên, Sở Giáo dục và Đào tạo	9 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C				Tiếng Anh
727	Nguyễn Ngọc Thúy	26/03/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THPT Quang Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo	16 N 3th	3,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

728	Nguyễn Quỳnh Nga	09/01/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Bồi dưỡng Cán bộ quản lý Giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo	11 năm	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
729	Nguyễn Thu Hương	11/06/1974	Nữ	Kế toán	Ban quản lý Khu CNTT tập trung Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy	10N 4t	3,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
730	Nguyễn Lê Ánh	30/09/1980	Nữ	Kế toán	MN Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy	14N 7T	3,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
731	Phan Thị Minh Phúc	03/06/1969	Nữ	Kế toán	MN Dịch Vọng Hâu, Quận Cầu Giấy	19N 10T	4,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B		x	x	
732	Nguyễn Ngọc Huyền	21/07/1981	Nữ	Kế toán	MN Quan Hoa, Quận Cầu Giấy	11N 1T	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh C				Tiếng Anh
733	Nguyễn Thị Tuyết Minh	19/11/1974	Nữ	Kế toán	MN Sao Mai, Quận Cầu Giấy	12N	4,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
734	Lương Thị Thu Hà	27/04/1976	Nữ	Kế toán	MN Yên Hòa, Quận Cầu Giấy	12N	3,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
735	Đào Ánh Nguyệt	12/11/1976	Nữ	Kế toán	TH Mai Dịch, Quận Cầu Giấy	9N 9T	3,06	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Đại học CNTT	Anh B1		x		Tiếng Anh
736	Đỗ Thị Thanh Huyền	15/04/1979	Nữ	Kế toán	TH Yên Hòa, Quận Cầu Giấy	20N 6T	3,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
737	Hoàng Mỹ Ngọc	10/08/1974	Nữ	Thủ quỹ	TH Yên Hòa, Quận Cầu Giấy	25N 3T	4,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
738	Phạm Thị Huyền Thương	11/10/1985	Nữ	Kế toán	THCS Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy	9N 9T	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
739	Nguyễn Minh Tuấn	20/09/1971	Nam	Kế toán	THCS Nam Trung Yên, Quận Cầu Giấy	13N	3,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
740	Lê Thị Thanh	26/09/1984	Nữ	Kế toán	THCS Trung Hòa, Quận Cầu Giấy	10N 4T	3,03	06a.031	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Đại học CNTT	Anh B		x		Tiếng Anh
741	Nguyễn Thị Thu Mai	26/03/1974	Nữ	Kế toán	TH Quan Hoa, Quận Cầu Giấy	16N 9T	4,06 + 5% TNVK	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
742	Ngô Thị Phú	25/12/1972	Nữ	Kế toán trưởng	TH Sơn Đông, Thị xã Sơn Tây	25 năm 11 tháng	4,06 (5%)	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh B	Không			Tiếng Anh
743	Phùng Thị Hương Giang	25/11/1987	Nữ	Kế toán trưởng	TH Trần Phú, Thị xã Sơn Tây	10 năm 7 tháng	3,06	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B	Không			Tiếng Anh
744	Nguyễn Kiều Oanh	28/08/1984	Nữ	Kế toán trưởng	TH Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây	11 năm 5 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
745	Hà Thị Tâm	24/12/1980	Nữ	Kế toán trưởng	TH Xuân Sơn, Thị xã Sơn Tây	12 năm 11 tháng	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
746	Ngô Thị Thu Hương	25/01/1968	Nữ	Kế toán trưởng	THCS Sơn Đông, Thị xã Sơn Tây	29 năm 8 tháng	4,06 (9%)	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ C	Anh C	Không			Tiếng Anh
747	Kiều Thị Hương	11/08/1985	Nữ	Kế toán trưởng	TTGDNN&GDTX, Thị xã Sơn Tây	10 năm 9 tháng	2,86	6,032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2	Không			Tiếng Anh
748	Trương Xuân Trường	05/08/1985	Nữ	Kế toán trưởng	THCS Trung Hưng, Thị xã Sơn Tây	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
749	Nguyễn Thị Huyền	01/09/1988	Nữ	Kế toán trưởng	THCS Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây	10 năm 2 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C	Không			Tiếng Anh
750	Nguyễn Bích Hồng	29/11/1981	Nữ	Kế toán trưởng	MN Hòa Mĩ, Thị xã Sơn Tây	12 năm 10 tháng	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2	Không			Tiếng Anh

751	Nguyễn Thị Hương	27/09/1989	Nữ	Kế toán trưởng	MN Sơn Lộc, Thị xã Sơn Tây	10 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
752	Dương Thị Hồng Tuyết	09/10/1985	Nữ	Kế toán trưởng	MN Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây	10 năm 07 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
753	Nguyễn Thị Mỹ Linh	07/10/1986	Nữ	Kế toán trưởng	MN Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây	10 năm 06 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
754	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/05/1988	Nữ	Kế toán trưởng	MN Trung Hưng, Thị xã Sơn Tây	10 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2	Không			Tiếng Anh
755	Phùng Thị Kim Oanh	20/04/1986	Nữ	Kế toán trưởng	MN Xuân Sơn, Thị xã Sơn Tây	10 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Anh A2	Không			Tiếng Anh
756	Nguyễn Thị Viên	03/12/1986	Nữ	Kế toán trưởng	MN Phú Thịnh, Thị xã Sơn Tây	10 năm 07 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2	Không			Tiếng Anh
757	Đỗ Thị Minh Trang	01/11/1982	Nữ	Kế toán trưởng	MN Viên Sơn, Thị xã Sơn Tây	10 năm 07 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
758	Đinh Thị Thùy	28/06/1982	Nữ	Kế toán trưởng	MN Trung Sơn Trầm, Thị xã Sơn Tây	10 năm 07 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
759	Nguyễn Thị Hồng Nhung	28/12/1978	Nữ	Kế toán trưởng	MN Sơn Đông, Thị xã Sơn Tây	10 năm 06 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
760	Bùi Thị Ngọc Hà	30/10/1976	Nữ	Viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sơn Tây, Thị xã Sơn Tây	10 năm 09 tháng	3,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2	Không			Tiếng Anh
761	Nguyễn Thị Hoà	3/11/1984	Nữ	Viên chức	Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sơn Tây, Thị xã Sơn Tây	10 năm 09 tháng	3,06	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B	Không			Tiếng Anh
762	Ngô Thị Bình	28/02/1973	Nữ	Kế toán	TH Tân Lĩnh, Huyện Ba Vì	25N	3,48	06035	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
763	Nguyễn Hồng Lương	27/11/1968	Nam	Kế toán	THCS Yên Bái B, Huyện Ba Vì	31N9t	4.06 - 11%	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
764	Ninh Thị Thu Hiền	10/09/1984	Nữ	Kế toán	TH Phú Sơn, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
765	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	05/01/1973	Nữ	Kế toán	THCS Vạn Thắng, Huyện Ba Vì	28N	4.06 - 8%	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
766	Nguyễn Thị Hạnh	10/03/1986	Nữ	Kế toán	MN Tân Lĩnh A, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
767	Nguyễn Thu Hằng	18/01/1986	Nữ	Kế toán	MN Văn Hòa A, Huyện Ba Vì	11N	2,66	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
768	Nguyễn Thị Hằng	16/03/1985	Nữ	Kế toán	TH Châu Sơn, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
769	Lê Thị Phúc	19/11/1974	Nữ	Kế toán	TH TTNC BỎ & ĐC, Huyện Ba Vì	26N	3,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
770	Vũ Thanh Tâm	24/01/1981	Nữ	Kế toán	THCS Văn Hòa, Huyện Ba Vì	10N	3,65	06a031	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
771	Chu Thị Thanh	15/10/1986	Nữ	Kế toán	MN 1-6, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
772	Lương Thị Chinh	17/04/1985	Nữ	Kế toán	MN Tống Bạt, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
773	Nguyễn Thị Thông	15/08/1968	Nữ	Kế toán	TH Tiên Phong, Huyện Ba Vì	25N	3,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

774	Nguyễn Thị Thanh Hà	09/03/1986	Nữ	Kế toán	TH Minh Châu, Huyện Ba Vì	13N	3,06	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
775	Nguyễn Thị Bích Ngọc	08/10/1976	Nữ	Kế toán	TH Cổ Đô, Huyện Ba Vì	18N	2,94	06035	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
776	Trần Thị Bích Lộc	13/11/1967	Nữ	Kế toán	TH Đông Quang, Huyện Ba Vì	20N	3.48-13%	06035	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
777	Đào Ngọc Huân	30/08/1982	Nam	Kế toán	TH Vạn Thắng, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
778	Nguyễn Thị Đào	26/06/1985	Nữ	Kế toán	THCS Thụy An, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
779	Chu Thị Hoan	30/11/1988	Nữ	Kế toán	MN Vật Lại, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
780	Đặng Thị Hương	07/11/1978	Nữ	Kế toán	TH Tây Đằng B, Huyện Ba Vì	18N	2,94	06035	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
781	Nguyễn Thị Phương	22/08/1990	Nữ	Kế toán	TH Tây Đằng A, Huyện Ba Vì	9N	2,72	06a031	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
782	Nguyễn Thị Thu Hoàn	21/06/1975	Nữ	Kế toán	THCS Đồng Thái, Huyện Ba Vì	25N	3,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
783	Nguyễn Viết Năng	18/06/1986	Nam	Kế toán	TH Tòng Bạt, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
784	Nguyễn Thị Huy Du	03/04/1984	Nữ	Kế toán	THCS Cam Thượng, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
785	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/07/1986	Nữ	Kế toán	TH Minh Quang A, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
786	Phùng Thị Chiến	19/06/1981	Nữ	Kế toán	MN Vạn Thắng, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
787	Phùng Gia Bảo	31/10/1983	Nam	Kế toán	TH Đồng Thái, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
788	Nguyễn Huy Diệu	26/07/1968	Nữ	Kế toán	THCS Thuần Mỹ, Huyện Ba Vì	35N	4.06-11%	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
789	Nguyễn Phương Thảo	02/08/1973	Nữ	Kế toán	Trung tâm PTQD, Huyện Ba Vì	8N4t	4,06	06.032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
790	Nguyễn Tiến Mạnh	22/12/1989	Nam	Kế toán	Trung tâm VH-TT, Huyện Ba Vì	5N3t	2,41	06a.031	ĐH ngành Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
791	Nguyễn Thị Thêm	19/02/1982	Nữ	Kế toán	THCS Phú Châu, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ C	Anh A2				Tiếng Anh
792	Nguyễn Thị Lân	23/11/1984	Nữ	Kế toán	MN Phú Châu, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
793	Trần Thị Minh Phương	30/08/1985	Nữ	Kế toán	MN Tân Hồng, Huyện Ba Vì	11N	2,86	06032	ĐH ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
794	Lê Thị Mai Hương	08/12/1986	Nữ	Kế toán	Trung tâm Phát triển quỹ đất, Huyện Phúc Thọ	11 năm	2,86	06.032	Thạc sỹ, Kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
795	Nguyễn Thị Thủy	16/09/1987	Nữ	Kế toán	Trung tâm Văn hóa - TT&TT, Huyện Phúc Thọ	10 năm 1 tháng	2,66	06.032	Đại học, Kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
796	Nguyễn Thị Diệu Thủy	22/03/1984	Nữ	Kế toán	Trường THCS Võng Xuyên, Huyện Phúc Thọ	13 năm 6 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
797	Nguyễn Thị Nga	21/11/1979	Nữ	Kế toán	Trường THCS Tam Thuận, Huyện Phúc Thọ	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngành KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

798	Vũ Anh Tuấn	29/03/1983	Nam	Kế toán	Trường THCS Hát Môn, Huyện Phúc Thọ	11 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
799	Nguyễn Thị Thu Lan	12/10/1981	Nữ	Kế toán	Trường THCS Sen Phương, Huyện Phúc Thọ	12 năm 10 tháng	3,06	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
800	Nguyễn Thị Hằng	07/05/1985	Nữ	Kế toán	Trường THCS Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ	11 năm	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
801	Kiều Thị Chiên	11/11/1981	Nữ	Kế toán	Trường THCS Võng Xuyên B, Huyện Phúc Thọ	13 năm	3,06	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh C				Tiếng Anh
802	Khuất Thị Thanh Huyền	18/06/1985	Nữ	Kế toán	Trường THCS Phụng Thương, Huyện Phúc Thọ	13 năm	3,06	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
803	Lê Thị Thùy	26/07/1990	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ	7 năm	2,46	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
804	Nguyễn Thị Quyền	30/09/1989	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Võng Xuyên B, Huyện Phúc Thọ	10 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh A2				Tiếng Anh
805	Khuất Thị Hương	14/05/1985	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Hai Bà Trung, Huyện Phúc Thọ	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
806	Cần Thị Luân	22/07/1984	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Tam Thuần, Huyện Phúc Thọ	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
807	Nguyễn Thị Thơm	12/07/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Thương Cốc, Huyện Phúc Thọ	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
808	Đỗ Thị Hoàn	11/06/1986	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Ngọc Tảo, Huyện Phúc Thọ	10 năm 9 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh A2				Tiếng Anh
809	Kiều Thị Phương Thảo	12/11/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Tích Giang, Huyện Phúc Thọ	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Văn phòng B	Anh B				Tiếng Anh
810	Duy Thị Vòng	18/05/1988	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Văn Phúc, Huyện Phúc Thọ	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
811	Đoàn Thị Đàm	11/06/1986	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Võng Xuyên A, Huyện Phúc Thọ	10 năm	2,66	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Ứng dụng B	Anh A2				Tiếng Anh
812	Nguyễn Thị Loan	09/11/1980	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Phương Độ, Huyện Phúc Thọ	10 năm	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
813	Ngô Mạnh Thắng	06/12/1982	Nam	Kế toán	Trường Mầm non Cẩm Đình, Huyện Phúc Thọ	10 năm 02 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán kiểm toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
814	Phùng Thị Xuyên	13/01/1987	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ	10 năm 7 tháng	2,86	06.032	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
815	Nguyễn Thị Thủy	22/09/1986	Nữ	Kế toán	Trường mầm non Hoa Mai, Huyện Phúc Thọ	4 năm 4 tháng	2,72	16a.031	Đại học ngành kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B1				Tiếng Anh

816	Trần Thuý Nga	03/07/1980	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Nghĩa Dũng, Quận Ba Đình	12 năm	3,06	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trung cấp	Anh C		x		Tiếng Anh
817	Đỗ Thị Thu Minh	07/09/1981	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B1				Tiếng Anh
818	Nguyễn Thị Huệ Linh	19/12/1974	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Ngọc Khánh, Quận Ba Đình	11 năm	3,86	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
819	Phạm Thị Đào	30/06/1989	Nữ	Kế toán	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Quận Ba Đình	5 năm 6 tháng	2,26	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
820	Trương Thuý Vân	03/11/1983	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non 1/6, Quận Ba Đình	14 năm 3 tháng	3,26	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
821	Nguyễn Thị Thu Minh	09/06/1983	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Hoa Hường Dương, Quận Ba Đình	11 năm 10 tháng	3,06	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
822	Nguyễn Thị Quỳnh Nội	25/05/1975	Nữ	Kế toán	Trường Mẫu giáo Số 8, Quận Ba Đình	12 năm	3,86	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
823	Đỗ Thị Loan	20/04/1982	Nữ	Kế toán	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, Quận Ba Đình	10 năm 8 tháng	2,86	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	ĐH ngoại ngữ			x	
824	Nguyễn Thị Hằng	19/04/1990	Nữ	Kế toán	Trường Mầm non Hoà Mi, Quận Ba Đình	7 năm 7 tháng	2,46	06.032	Đại học tài chính kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
825	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/08/1976	Nữ	Kế toán	THCS Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình	12 năm	3,26	06.032	Đại học - kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
826	Nguyễn Hoa Huệ	25/11/1983	Nữ	Kế toán	Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao, Quận Ba Đình	10 năm 4 tháng	3,46	06.032	Đại học - Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
827	Lê Thị Hoàng Ngân	27/12/1970	Nữ	Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Quận Ba Đình	23 năm	4,06	06.032	Đại học - kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
828	Hoàng Thị Vân Anh	21/08/1988	Nữ	Kế toán	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Quận Ba Đình	9 năm	2,66	06.032	Đại học - kế toán	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B1				Tiếng Anh
829	Nguyễn Thị Thu Hương	14/12/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	BQLDA đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm, Quận Bắc Từ Liêm	Từ '01/5/2010	3,46	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
830	Nguyễn Thị Phương Huyền	17/12/1984	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Bắc Từ Liêm, Quận Bắc Từ Liêm	Từ '01/5/2010	3,06	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
831	Phạm Thị Thom	24/03/1969	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/4/1993	4,06+10 %	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B		x	x	
832	Vũ Thị Hà	22/08/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/8/2009	3,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
833	Nguyễn Thị Huyền Trang	22/01/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 15/9/2014	2,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

834	Nguyễn Thị Hồi Hoan	24/02/1982	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/8/2009	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
835	Nguyễn Thị Ngọc Phi	13/07/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Thượng Cát, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 15/9/2014	2,46	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
836	Hoàng Thị Sâm	05/10/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Tây Tựu B, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/8/2009	4,06	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
837	Nguyễn Thị Việt Hồng	15/01/1978	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/11/2010	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
838	Nguyễn Thị Hồng Vân	26/03/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Hồ Tùng Mậu, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/8/2009	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
839	Đỗ Thị Thanh Bình	12/11/1976	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Đồng Ngạc A, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/8/2009	3,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
840	Nguyễn Thị Mai Dung	15/06/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Minh Khai B, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/4/1993	3,48+11 %	06.035	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
841	Nguyễn Thị Minh Châu	02/08/1968	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Tây Tựu A, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/9/1992	4,06+8%	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B		x	x	
842	Đặng Thu Thủy	19/12/1971	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường TH Cổ Nhuế 2B, Quận Bắc Từ Liêm	01/8/1996	4,06+7%	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Đại học CNTT	Anh B				Tiếng Anh
843	Nguyễn Thị Ngọc Lan	12/06/1977	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm	Từ 01/11/2011	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	ĐH ngoại ngữ			x	
844	Lê Thủy Ninh	15/07/1982	Nữ	Kế toán	Phòng Công chứng số 9, Sở Tư pháp	12 năm 6 tháng	3,06	06.032	CN Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
845	Phạm Thị Hồng Yến	20/06/1972	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Đan Phượng	15 năm	4,06	06.032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
846	Trần Thị Bình	10/06/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trung tâm phát triển quỹ đất, Huyện Đan Phượng	11 năm	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
847	Trần Thị Tuyết	02/12/1980	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Lương Thế Vinh, Huyện Đan Phượng	12 năm	3,06	06.032	Đại học, Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
848	Nguyễn Thị Thanh	02/07/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Trung Châu, Huyện Đan Phượng	9 năm 7 tháng	2,66	06.032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
849	Nguyễn Thị Thu Trang	01/02/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Liên Trung, Huyện Đan Phượng	12 năm 5 tháng	3,06	06.032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
850	Đỗ Thị Kim Huyền	27/11/1985	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Hồng Hà, Huyện Đan Phượng	10N2T	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
851	Bùi Thị Ngọc Lan	19/05/1977	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Tiểu học Đồng Tháp, Huyện Đan Phượng	24 năm 9 tháng	4,06	06.032	Đại học kế toán	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
852	Công Thị Hằng	20/12/1981	Nữ	Kế toán viên trung cấp	MN Đan Phượng, Huyện Đan Phượng	10 năm 03 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
853	Nguyễn Thị Mai Phương	10/12/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Thọ Xuân, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,66	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
854	Tạ Thị Nhân	13/10/1983	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Liên Hồng, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
855	Nguyễn Thị Thanh Nga	07/11/1989	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Liên Hà, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
856	Nguyễn Thị Hường	22/04/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Liên Trung, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
857	Bùi Thị Hoa	28/09/1986	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường MN Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh

858	Nguyễn Thị Kim Hoa	19/12/1987	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Tân Hội, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
859	Phan Thị Phương Ngân	12/09/1979	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường THCS Tân Hội, Huyện Đan Phượng	10N6T	2,86	06.032	Đại học Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
860	Thế Thị Thu Hương	13/08/1988	Nữ	Kế toán viên trung cấp	Trường Mầm non Tân Lập, Huyện Đan Phượng	10 năm 3 tháng	2,86	06.032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
861	Hà Thị Hồng Minh	06/02/1972	Nữ	NV Kế toán	Trung tâm GDNN-GDTX huyện, Huyện Hoài Đức	28 n	4,06 (VK7%)	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
862	Hữu Thị Lan Hương	15/10/1987	Nữ	NV Kế toán	Ban Quản lý Dự án và Đầu tư xây dựng huyện, Huyện Hoài Đức	14n	3,06	06032	Thạc sỹ	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
863	Nguyễn Thị Thái	24/10/1986	Nữ	NV Kế toán	Ban Quản lý Dự án và Đầu tư xây dựng huyện, Huyện Hoài Đức	8n9t	2,66	06032	Thạc sỹ		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
864	Trần Thị Dung	08/05/1987	Nữ	Kế toán trưởng	Trung tâm Phát Triển Quỹ đất, Huyện Hoài Đức	10n6t	2,86	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
865	Nguyễn Thị Trang	28/11/1983	Nữ	NV Kế toán	Trung tâm Phát Triển Quỹ đất, Huyện Hoài Đức	9n8t	2,46	06.032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
866	Phạm Thùy Giang	06/09/1990	Nữ	NV Kế toán	Trung tâm Phát Triển Quỹ đất, Huyện Hoài Đức	9n8t	2,46	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh B				Tiếng Anh
867	Đặng Hà Phương	27/10/1989	Nữ	NV Kế toán	Trung tâm Phát Triển Quỹ đất, Huyện Hoài Đức	9n8t	2,66	06.032	Thạc sỹ	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
868	Đỗ Thị Nhung	09/08/1979	Nữ	NV Kế toán	Trung tâm Phát Triển Quỹ đất, Huyện Hoài Đức	13n6t	3,06	06.032	Đại học	Trung cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh C				Tiếng Anh
869	Nguyễn Thị Ngà	04/09/1983	Nữ	NV Kế toán	MN An Thượng A, Huyện Hoài Đức	8n2t	2.66	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học văn phòng	Anh B				Tiếng Anh
870	Phạm Thị Xuân	08/11/1982	Nữ	NV Kế toán	MN Đông La, Huyện Hoài Đức	10n01t	2.66	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
871	Dương Thị Hồng	11/01/1982	Nữ	NV Kế toán	MN Đức Thượng, Huyện Hoài Đức	10n10t	2.86	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
872	Tạ Thị Thanh Liêm	10/11/1984	Nữ	NV Kế toán	MN Dương Liễu, Huyện Hoài Đức	10n4t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
873	Nguyễn Thị Ngân	02/09/1980	Nữ	NV Kế toán	MN Hoa Sen, Huyện Hoài Đức	10n10t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh A2				Tiếng Anh
874	Phạm Thị Phương	16/05/1987	Nữ	NV Kế toán	MN Kim Chung, Huyện Hoài Đức	12n6t	3.06	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
875	Bùi Thị Liên	24/09/1989	Nữ	NV Kế toán	MN La Phù, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
876	Nguyễn Thị Hồng	21/10/1985	Nữ	NV Kế toán	MN Yên Sở, Huyện Hoài Đức	11n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
877	Nguyễn Thị Ngọc Anh	24/12/1986	Nữ	NV Kế toán	TH An Khánh B, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCTB	Anh A2				Tiếng Anh
878	Đào Thị Hiền	13/06/1985	Nữ	NV Kế toán	TH An Thượng A, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
879	Văn Thị Dung	20/06/1974	Nữ	NV Kế toán	TH Cát Quế A, Huyện Hoài Đức	16n9t	3.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
880	Nguyễn Thị Nhâm	09/10/1972	Nữ	NV Kế toán	TH Cát Quế B, Huyện Hoài Đức	24n	4.06	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
881	Trung Thị Thúy	18/09/1973	Nữ	NV Kế toán	TH Đắc Sở, Huyện Hoài Đức	24n10t	4.06	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học văn phòng	Anh B				Tiếng Anh
882	Nguyễn Thị Hoa	29/03/1972	Nữ	NV Kế toán	TH Đông La, Huyện Hoài Đức	24n10t	4.06	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh

883	Nguyễn Thị Bích Vân	29/11/1968	Nữ	NV Kế toán	TH Dương Liễu A, Huyện Hoài Đức	32n4t	4.06 (VK11%)	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C		x	x	
884	Chí Thị Thủy Hoa	03/12/1975	Nữ	NV Kế toán	TH Kim Chung B, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh C				Tiếng Anh
885	Bùi Thị Lý	05/02/1984	Nữ	NV Kế toán	TH La Phù, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
886	Nguyễn Thị Thanh Vân	11/04/1985	Nữ	NV Kế toán	TH Lại Yên, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
887	Duy Thị Luyện	30/08/1986	Nữ	NV Kế toán	TH thị trấn Trầm Trối, Huyện Hoài Đức	9n9t	2.66	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
888	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/11/1988	Nữ	NV Kế toán	TH Văn Canh, Huyện Hoài Đức	10n10t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
889	Trần Thị Lan	11/10/1987	Nữ	NV Kế toán	THCS An Thượng, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
890	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/09/1981	Nữ	NV Kế toán	THCS Cát Quế A, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
891	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/10/1974	Nữ	NV Kế toán	THCS Đắc Sở, Huyện Hoài Đức	24n	4.06	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
892	Nguyễn Kim Dung	21/02/1975	Nữ	NV Kế toán	THCS Di Trạch, Huyện Hoài Đức	8n01t	2.66	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
893	Lê Thị Thủy Dương	06/11/1985	Nữ	NV Kế toán	THCS Đông La, Huyện Hoài Đức	13n	3.06	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh C				Tiếng Anh
894	Doãn Thị Hồng Phương	23/02/1985	Nữ	NV Kế toán	THCS Đức Giang, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học văn phòng	Anh B				Tiếng Anh
895	Nguyễn Thị Liêm	09/06/1970	Nữ	NV Kế toán	THCS Dương Liễu, Huyện Hoài Đức	24n	4.06 (VK5%)	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
896	Phạm Thị Hậu	29/08/1984	Nữ	NV Kế toán	THCS Lại Yên, Huyện Hoài Đức	12n11t	3.06	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
897	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/07/1987	Nữ	NV Kế toán	THCS N V Huyền, Huyện Hoài Đức	10n10t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
898	Nguyễn Chí Thị Kim Dung	16/09/1974	Nữ	NV Kế toán	THCS Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức	26n	4.06	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học văn phòng	Anh B				Tiếng Anh
899	Cù Thị Thanh Hà	19/03/1983	Nữ	NV Kế toán	THCS Song Phương, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học		Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh A2				Tiếng Anh
900	Bùi Thanh Thủy	21/08/1988	Nữ	NV Kế toán	THCS Văn Canh, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	ƯD CNTTCB	Anh B				Tiếng Anh
901	Nguyễn Thị Nga	04/10/1988	Nữ	NV Kế toán	THCS Yên Sở, Huyện Hoài Đức	10n3t	2.86	06032	Đại học	Sơ cấp	Chứng chỉ BD ngạch KTV	Trình độ B	Anh B				Tiếng Anh
902	Nguyễn Thị Thu Thủy	17/11/1990	Nữ	Kế toán viên trung cấp	BV Đa khoa Hà Đông, Sở Y tế	07 năm	2,46	06 032	Đại học ngành Kế toán		Chứng chỉ BD ngạch KTV	Tin học văn phòng	Anh B				Tiếng Anh

Danh sách trên có 902 người./.